

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2014



MỤC LỤC

	Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị Công ty.	2
I.	THÔNG TIN CHUNG.	
1.	Thông tin khái quát.	4
2.	Quá trình hình thành và phát triển.	4
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	6
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	7
5.	Định hướng phát triển.	9
6.	Các rủi ro.	10
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.	
1.	Tình hình hoạt động kinh doanh.	11
2.	Tổ chức và nhân sự.	15
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	17
4.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	18
III	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.	
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.	20
2.	Tình hình tài chính.	22
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	25
4.	Kế hoạch phát triển.	27
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.	29
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.	30
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.	
1.	Hội đồng Quản trị.	31
2.	Ban kiểm soát.	32
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát.	33
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.	
1.	Ý kiến kiểm toán.	39
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.	41

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Chúng ta rất hân hoan và có quyền tự hào về kết quả kinh doanh xuất sắc của công ty SFC trong năm 2014. Đây là năm đầu tiên từ khi thành lập mà lợi nhuận sau thuế của công ty đã đạt trên 210% so với kế hoạch và điều đáng mừng là kết quả này đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi. Bên cạnh đó, sự quan tâm, chăm sóc của công ty dành cho CBCNV cũng đã tốt hơn hẳn các năm trước, về vật chất lẫn tinh thần. Năm 2014, công ty dự kiến sẽ trả cổ tức 20% bằng tiền mặt và như vậy là nhiều hơn 6% so với cam kết của lãnh đạo công ty với cổ đông!

Do đặc thù của ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu, không ai có thể tiên đoán trước được điều gì khi mà chúng ta không thể tự mình quyết định giá đầu vào lẫn đầu ra. Công ty chỉ có thể biết chắc chắn được là: SFC sẽ phục vụ khách hàng tốt hơn, chuyên nghiệp hơn, gia tăng sản lượng bán lẻ, quản trị tốt chi phí, thực hành tốt 5S, quan tâm đúng mức đến công tác PCCC và trên hết là luôn đoàn kết, yêu thương, tương trợ lẫn nhau vì mỗi người và vì tập thể SFC này!

Năm 2015, cũng là năm đầu tiên SFC chính thức áp dụng công cụ BSC trong xây dựng và thực hiện chiến lược. Các chỉ tiêu Tài Chính rất quan trọng nhưng đó là kết quả của quá trình Học hỏi và Phát triển, xây dựng và tuân thủ các Quy Trình mang tính sống còn cũng như thoả mãn một cách tốt nhất nhu cầu của Khách Hàng.

Như vậy, từ đầu năm 2015, công ty sẽ xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh xăng dầu trên cơ sở hàng tuần; kinh doanh tài chính, mặt bằng và bất động sản trên cơ sở hàng tháng. Đồng thời, việc kiểm soát chi phí sẽ là một nhiệm vụ trọng tâm. Công ty có một thách thức về mức khoán chi phí trên một lít xăng dầu mà HĐQT đã giao mà so với năm 2014 sẽ phải tiết kiệm khoảng 10%. Đây là một nhiệm vụ không hề dễ dàng! Năm 2015, mỗi cá nhân sẽ được đánh giá kết quả lao động và hưởng thu nhập theo phương pháp 3P. Đây cũng là một cột mốc trong việc quản trị công ty, nhằm mục tiêu hiệu quả và minh bạch.

Năm 2015, SFC sẽ tiếp tục cộng tác cùng Công ty Nielsen Vietnam để triển khai đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của công ty. Mặc dù kết quả đã đạt được trong năm 2014 là rất đáng khen ngợi và cao hơn nhiều so với mức trung bình chung của ngành dịch vụ nhưng công ty hiểu là: còn nhiều điểm cần khắc phục, sửa đổi và cải tiến. Đồng thời, ban lãnh đạo công ty cũng sẽ nỗ lực để mức độ hài lòng của nhân viên đối với công ty cao hơn năm 2014. SFC phải thực sự là một mái nhà thứ 2 êm ấm và hạnh phúc của nhân viên.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Trong nhiều năm gần đây, SFC luôn hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đề ra. Tôi tin là năm 2015 này sẽ không là ngoại lệ. Với sự quyết tâm, tập trung, sáng tạo và đoàn kết của tập thể gần 300 con người ở SFC, chúng ta chắc chắn sẽ hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2015 cũng như đặt những bước chân vững chắc trên hành trình thực hiện sứ mệnh của mình: “Trở thành công ty bán lẻ xăng dầu hàng đầu tại khu vực TP.HCM và các tỉnh lân cận...”

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi cũng xin trân trọng cảm ơn quý vị cổ đông, các đối tác, quý vị khách hàng và toàn thể CBCNV - những người đã tin nhiệm, ủng hộ, đồng hành, sát cánh và chung sức làm nên thành công cho Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn ngày hôm nay.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!



NGUYỄN TUẤN QUỲNH
Chủ tịch Hội đồng Quản Trị
Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 19 vào ngày 20/8/2013.
- Vốn Điều lệ: 112.914.590.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 112.914.590.000 đồng.
- Địa chỉ: 146 E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 39 979 292 – 39 979 393
- Số Fax: (84.8) 39 979 555
- Website: www.sfc.com.vn.
- Mã cổ phiếu: **SFC**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Việc thành lập Công ty:

Tiền thân là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1975 với chức năng nhiệm vụ chính là đảm bảo phân phối các mặt hàng chất đốt trên địa bàn thành phố. Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước, Công ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC), có vốn điều lệ 17 tỷ đồng.

b. Niêm yết:

Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho niêm yết tại Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21/09/2004 theo Quyết định số 31/GPPH.

c. Thời gian các mốc sự kiện quan trọng từ khi thành lập đến nay:

2000 Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp Nhà Nước, Công Ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC).

2001 Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều năm qua đã xây dựng

được uy tín thương hiệu SFC trên thị trường xăng dầu thành phố và đưa đến một sự kiện đặc biệt là việc ký kết “*Hợp Đồng trao quyền ưu tiên lựa chọn cung ứng nhiên liệu*” giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn với Công ty TNHH BP Oil International vào ngày 20/12/2001.

2004 Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn chính thức tham gia sàn giao dịch chứng khoán ngày 21/09/2004 (tại Trung tâm GDCK TP.HCM nay là Sở Giao Dịch CK TP.HCM), chỉ sau 4 năm cổ phần hóa, với mã giao dịch là SFC, là 1 trong 20 doanh nghiệp lên sàn đầu tiên của Thành Phố.

2007 Vốn điều lệ Công ty vào ngày đầu thành lập là 17 tỷ đồng (01/10/2000), trong đó vốn Nhà nước chiếm 20% do Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA – tiền thân là Sở Thương Nghiệp TP. HCM nắm giữ).

Thực hiện chỉ đạo của Ủy Ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh (văn bản số 7518/UBND-CNN), vào ngày 06/12/2007, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn đã chuyển phần vốn Nhà Nước đang nắm giữ sang Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (SAIGON PETRO) – Đơn vị trực thuộc Ban Tài chính Quản trị Thành Ủy nay là Cơ quan Văn Phòng Thành Ủy TP.HCM và là doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu có uy tín trên thị trường xăng dầu cả nước.

Ngoài ra, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **17 tỷ đồng lên 34 tỷ đồng**, đem lại gần 25 tỷ đồng vốn thặng dư; đồng thời tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú (Công ty con) từ 7,9 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng.

2009 Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn đã hoàn thành 2 đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **34 tỷ đồng lên 45,9 tỷ đồng** (ngày 12/05/2009) và lên **81 tỷ đồng** (ngày 11/12/2009); đồng thời tăng vốn điều lệ cho Cty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú từ **10 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng**.

2010 Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn tiếp tục phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **81 tỷ đồng lên 102,7 tỷ đồng** (vào tháng 07/2010).

Cũng trong năm 2010, Công ty thành lập mới Chi Nhánh SFC Đồng Tháp gồm 2 Trạm Kinh doanh Xăng dầu số 22 và 23 tại thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Suốt chặng đường xây dựng và phát triển, nhiều thế hệ lãnh đạo và nhân viên Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn đã nỗ lực không ngừng để Công ty vững bước đi lên, khẳng định thương hiệu SFC trên thị trường, được Đảng và Nhà Nước tặng nhiều phần thưởng cao quý, mà phần thưởng vinh dự nhất đánh dấu Lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty và 10 năm cổ phần hóa là Công ty được Chủ Tịch Nước phong tặng Huân Chương Lao Động Hạng Nhì vào tháng 09/2010.

2011 Ngày 26/02/2011 Công ty khởi công xây dựng Cao ốc Văn Phòng Công ty tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận với qui mô 6 tầng, tổng diện tích

xây dựng 1.454 m²; đồng thời Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ vốn Công ty con - Công ty TNHH một thành viên Chế biến gỗ Tân Phú kể từ tháng 11/2011.

2012 Ngày 17/01/2012 Công ty đã làm Lễ động thổ và khởi công xây dựng Siêu thị Co.opmart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức với quy mô 02 tầng, tổng diện tích xây dựng 6.597,74m²; đồng thời trong năm đã chính thức đưa Cao ốc Văn Phòng Công ty “SFC Building” tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận vào hoạt động. Trong năm, Công ty nhận giải thưởng “Top 50 Doanh nghiệp có Báo cáo Thường niên tốt nhất năm 2011” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Nhà Nước bình chọn.

2013 Tháng 07/2013 Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ **102,7 tỷ đồng** lên **112,9 tỷ đồng** thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu. Như vậy, sau 12 năm cổ phần, vốn điều lệ Công ty đã tăng từ 17 tỷ đồng lên 112,9 tỷ đồng, **tăng gấp 6,64 lần** (664,11%).

Ngày 28/6/2013 dự án hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn và Liên hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) đã chính thức Khai Trương Siêu Thị Co.opmart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức; đồng thời trong năm Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng 2 Trạm KDXD số 9 và Trạm KDXD số 13 vào cuối tháng 12/2013.

Ngày 20/12/2013 Công ty đã liên kết với Ngân hàng VietinBank và MasterCard khai trương dịch vụ thanh toán xăng dầu bằng thẻ MasterCard tại Trạm KDXD số 4 và đây là điểm chấp nhận thẻ đầu tiên của MasterCard trong ngành bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam. dầu tại Việt Nam.

2014 Trong năm, Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng 2 Trạm KDXD số 21 và Trạm KDXD số 6. Đồng thời, được giấy chứng nhận là Công ty đạt thứ hạng cao nhất trong nhóm ngành thương mại về chỉ số hiệu quả kinh doanh tốt nhất trong chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp năm 2014.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh các mặt hàng: xăng, dầu, nhớt, mỡ, khí đốt, bếp gas; dịch vụ rửa, giữ xe các loại; vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu; sản xuất và lắp ráp bếp gas các loại;
- Mua bán sản phẩm gỗ, thu mua nguyên vật liệu và sản xuất chế biến hàng mộc; thu mua chế biến hàng nông, thủy hải sản;
- Mua bán hàng Công nghệ phẩm, thực phẩm, rau quả tươi sống, nước tinh khiết, nước giải khát các loại, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng; Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu thương mại, xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở. Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng; cho thuê văn phòng, căn hộ cao cấp. Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ; dịch vụ uỷ thác và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; Đại lý bảo hiểm;
- Nhập khẩu: Gỗ nguyên liệu, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất chế biến hàng mộc, nông, thuỷ hải sản; Vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu, bếp gas và các loại phụ tùng bếp gas;
- Kinh doanh bất động sản.

.....

b. Địa bàn kinh doanh:

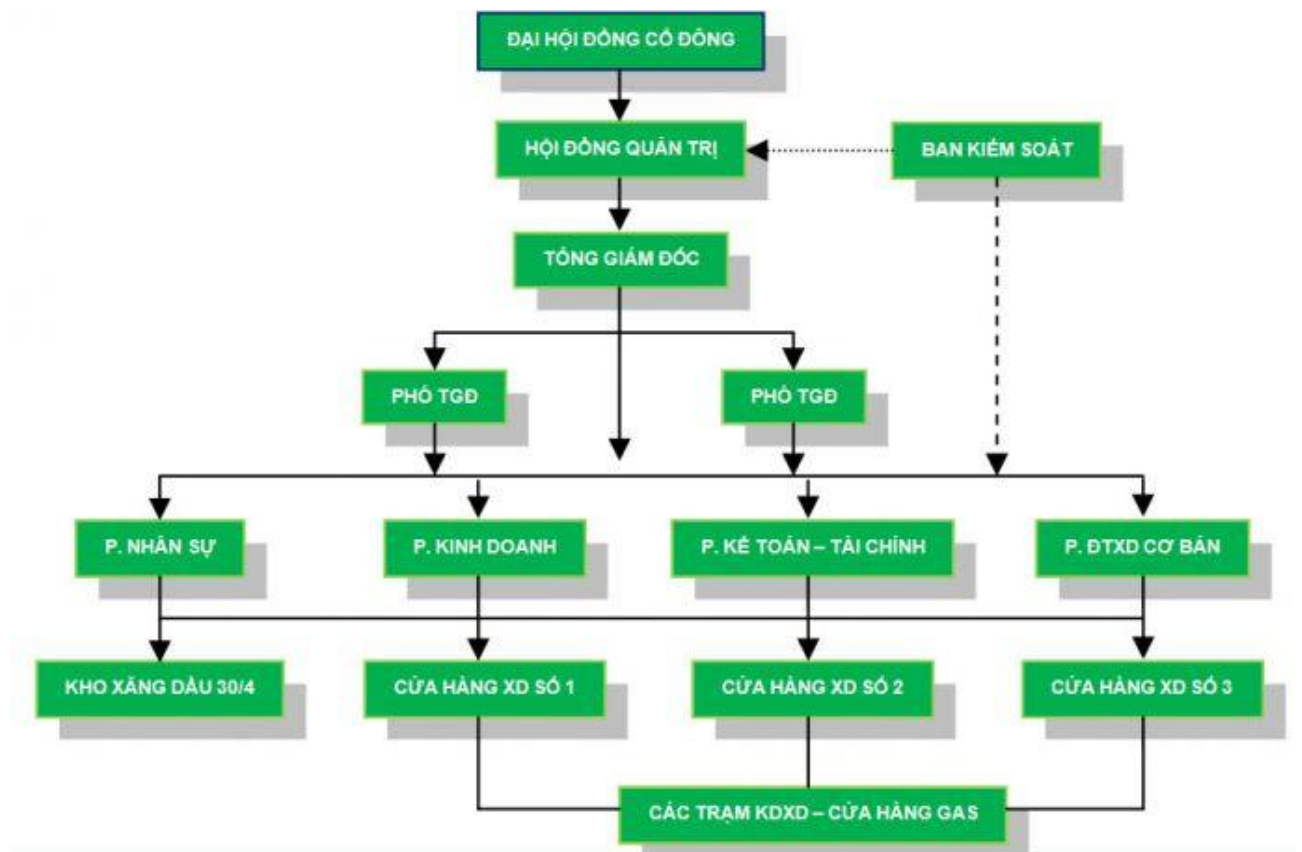
Các Cửa hàng XD, Trạm KDXD và Cửa hàng gas của Công ty nằm rải rác trên các Quận, Huyện thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh và có 01 Chi Nhánh KDXD tại Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD và đầu tư; bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và điều lệ.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 5 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 3 thành viên là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ làm việc tương đương nhiệm kỳ HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 3 năm, gồm: Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết nghị, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

b. Sơ đồ tổ chức:



5. Định hướng phát triển:

Với dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài Công ty đã xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. **TẦM NHÌN:** Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Sài Gòn - SFC là Công ty phát triển bền vững và hiệu quả, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty kinh doanh xăng dầu hàng đầu tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

b. **SỨ MỆNH:** SFC mang lại sự hài lòng cho khách hàng thông qua sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng cao; cam kết mang lại giá trị cao nhất và sự thịnh vượng cho cổ đông và cán bộ - nhân viên công ty; đồng thời đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

c. **GIÁ TRỊ CỐT LÕI:**

- Tuân thủ: Pháp luật, nội quy và các quy định, quy trình, quy chế... của Công ty.

- Trung thực: Với khách hàng, đối tác, Công ty và những người xung quanh.

- Chuyên nghiệp: Chuyên tâm và tận lực với công việc để tạo hiệu quả cao nhất.

d. **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Xăng dầu đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người và đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh nơi mà nhu cầu tiêu thụ xăng dầu rất lớn. Với tác hại do xăng dầu gây ra, trong khả năng của mình Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng như: Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, lập sổ chủ nguồn thải, thu gom chất thải nguy hại, lập phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cho các Trạm KDXD theo quy định; Thực hiện Chương trình 5S; Lắp đặt hệ thống thu hồi hơi tại các Trạm KDXD; Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại cho người lao động; Khám sức khỏe định kỳ và khám chữa bệnh nghề nghiệp cho nhân viên bán hàng; Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, PCCN....

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty cũng rất quan tâm đến các hoạt động công đồng như: xây dựng quỹ tương trợ, quỹ học bổng “Nguyễn Đức Cảnh” nhằm hỗ trợ, giúp đỡ cho CBNV; hằng năm tổ chức trao học bổng cho con CBNV học giỏi, nhận và nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng trong hơn 17

năm qua; vận động CBCN đóng góp tổ chức trao quà cho học sinh nghèo, gia đình chính sách, trẻ khuyết tật, ,mồ côi gặp khó khăn nơi xa xôi hẻo lánh.... Những nội dung trên cũng là một trong những mục tiêu chiến lược của Công ty trong quá trình hoạt động nhằm góp phần đưa Công ty phát triển bền vững và lâu dài, đồng thời thể hiện tinh thần tương thân tương ái của dân tộc và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với cộng đồng xã hội.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro kinh tế:

Sự phát triển ngành xăng dầu gắn chặt vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung và những chính sách kinh tế điều tiết cho ngành nói riêng. Kinh tế phát triển nhanh sẽ làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng cá nhân cũng như của cả xã hội và ngược lại. Theo báo cáo tình hình kinh tế- xã hội của Chính phủ năm 2010 là 6,78%, năm 2011 là 5,89%, năm 2012 là 5,03%, năm 2013 là 5,4%, năm 2014 là 5,98% và dự báo năm 2015 là 6,2% cho thấy sự phát triển nền kinh tế đang có nhiều chuyển biến tích cực, đúng hướng. Tuy nhiên nền kinh tế trong nước vẫn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trước tình hình kinh tế thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành sản xuất kinh doanh phân phối nhiên liệu xăng dầu và hoạt động kinh doanh của SFC. Qua đó có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với Công ty tương đối cao.

Trong tình hình đó, Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh của mình và thực hiện một số biện pháp như: mở rộng mạng lưới bán lẻ, xây dựng, cải tạo nâng cấp các Trạm KDXD hiện hữu, đầu tư trang thiết bị mới, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng, tiết giảm chi phí...

b. Rủi ro thị trường:

Ngành xăng dầu, xét từ nhiều góc độ, là một ngành hàng quan trọng mà cho đến nay vẫn chịu sự quản lý trực tiếp của Nhà nước. Do nguồn cung cấp xăng dầu của Việt Nam phụ thuộc vào nhập khẩu nên giá xăng dầu sẽ thay đổi theo giá xăng dầu trên thị trường thế giới. Theo Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) ước tính nhu cầu dầu mỏ của thế giới năm 2015 sẽ tăng thêm 1,2 triệu thùng/ngày, giá xăng dầu sẽ giảm nhẹ. Do xăng dầu là mặt hàng không có sản phẩm thay thế nên lượng sản phẩm tiêu thụ cũng không thay đổi nhiều khi có biến động về giá, tuy nhiên mức thù lao các đầu mối dành cho Tổng Đại lý sẽ được điều chỉnh trong những lần tăng giảm giá. Để có mức thù lao tốt nhất,

Công ty xây dựng chính sách mua hàng linh hoạt so với trước nhằm góp phần nâng cao hiệu quả cho Công ty.

c. Rủi ro pháp luật:

Từ một doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Nhiên Liệu Sài Gòn chịu sự điều chỉnh và chịu ảnh hưởng của các luật, nghị định, thông tư hướng dẫn... liên quan đến công ty cổ phần, chúng

khoản và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro về việc sửa chữa, thay đổi của các quy định từ các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và không thể tránh khỏi.

Ngoài những ảnh hưởng của pháp luật về thị trường chứng khoán và cổ phần hoá, Công ty còn phải chịu rủi ro về pháp luật liên quan tới các chính sách thuế xuất nhập khẩu, đặc biệt là thuế nhập khẩu mặt hàng nhiên liệu xăng dầu và các tiêu chuẩn về xăng dầu do Nhà nước quy định.

Trong năm 2014, Chính phủ ban hành Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về Kinh doanh xăng dầu và có hiệu lực thi hành từ 01/11/2014 thay thế Nghị định 84/2009/NĐ-CP, nghị định đã bổ sung thêm hình thức phân phối và mở rộng đối tượng phân phối cũng như lộ trình đầu tư cơ sở vật chất sẽ góp phần đa dạng hóa loại hình kinh doanh xăng dầu, tăng thêm khả năng cạnh tranh vốn đã ít ỏi trong lĩnh vực kinh doanh này.

Đối với Công ty để giảm thiểu rủi ro này, HĐQT và Ban điều hành thường xuyên theo dõi, phân tích, dự báo tình hình qua đó lựa chọn và đưa ra những biện pháp kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ giúp Công ty đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

d. Rủi ro ngành nghề:

Ngành nghề của Công ty là kinh doanh xăng – dầu – gas, đây là ngành hàng dễ gây cháy, nổ, hỏa hoạn. Do vậy, Công ty luôn tuân thủ các quy định về công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, PCCC được triển khai và thực hiện nghiêm trong toàn hệ thống, trong năm qua Công ty đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động kết nối trung tâm và hệ thống chữa cháy bằng bột Foam cho các Trạm KDXD. Đồng thời, Công ty thực hiện đào tạo nâng cao kiến thức, thực hành công tác PCCC cho toàn thể CB NV và mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

e. Rủi ro tín dụng:

Là đơn vị kinh doanh bán lẻ xăng dầu, Công ty thường xuyên bán hàng trả chậm cho một số khách hàng công nghiệp, đại lý... đa phần với hình thức tín chấp, vì vậy rủi ro từ việc khách hàng không thực hiện đúng cam kết theo những điều khoản trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính. Để hạn chế tối đa rủi ro này, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời, Ban điều hành Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro này.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

Công ty thực hiện nhiệm vụ năm 2014 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp. Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, xung đột xảy ra ở nhiều nơi. Tăng trưởng kinh tế trong nước có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Tuy nhiên,

bằng nỗ lực và quyết tâm tập thể CB NV Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để trưởng thành và phát triển bền vững, khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường. Sau hơn 14 năm cổ phần hoá, SFC đã đạt được những thành công nhất định, trở thành một Công ty cổ phần kinh doanh thương mại dịch vụ đa ngành với vốn điều lệ đạt 112,9 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản 442,288 tỷ đồng, doanh thu của Công ty luôn tăng trưởng, thương hiệu SFC đã chiếm được lòng tin của người tiêu dùng, khẳng định được vị trí trên thị trường xăng dầu, gas và cũng là một trong những Công ty cổ phần có giá trị cổ phiếu giao dịch tương đối ổn định trên thị trường chứng khoán.

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

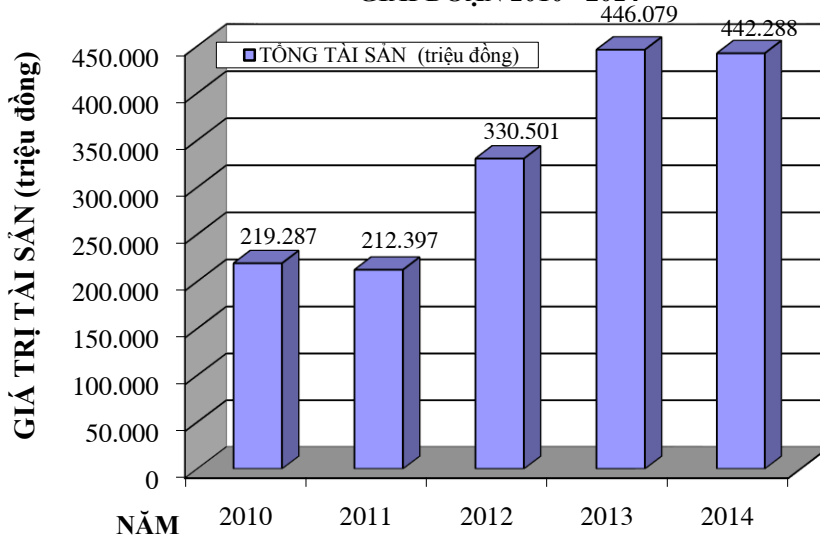
- **Doanh thu thuần** thực hiện năm 2014: **2.565,88 tỷ đồng**, tăng 15,06 % so KH năm (2.230,02 tỷ đồng) và bằng 104,85 % so thực hiện năm 2013 (2.447,22 tỷ đồng).
- **Lợi nhuận trước thuế** thực hiện năm 2014: **47,886 tỷ đồng**, tăng 126,71% so KH năm (21,122 tỷ) và bằng 181,32% so thực hiện năm 2013 (26,410 tỷ đồng).
- **Lợi nhuận sau thuế** thực hiện năm 2014 là: **37,252 tỷ đồng**, tăng 124,94% so KH năm (16,561 tỷ) và bằng 189,92% so thực hiện năm 2013 (19,624 tỷ đồng).
- **Khả năng sinh lời**
 - + Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE): 20,70 %
 - + Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA): 8,39 %
 - + Thu nhập ròng trên một cổ phiếu (EPS): 3.316 đồng.

Những chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của Cty SFC thực hiện trong những năm qua:

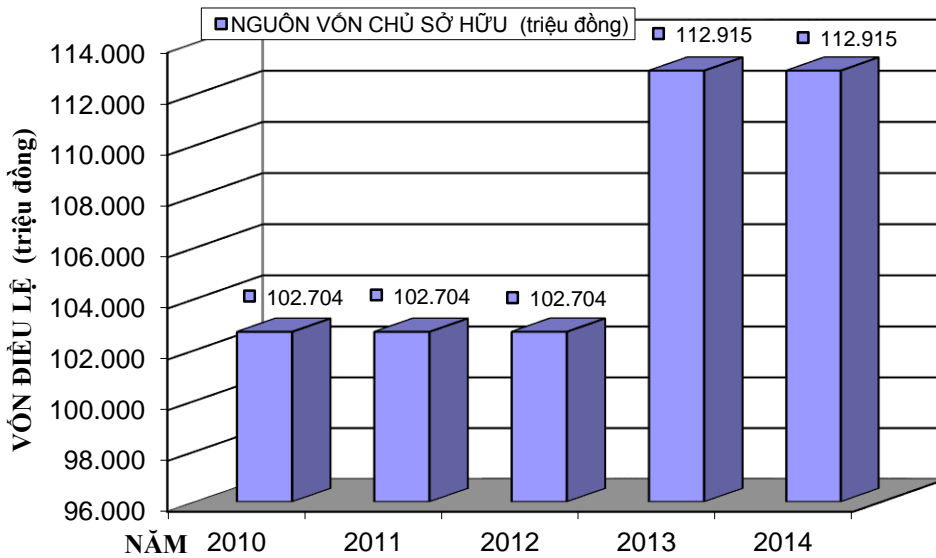
Dvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Doanh thu thuần	1.397.170	1.794.619	2.095.692	2.447.222	2.565.876
Lợi nhuận trước thuế	72.984	39.133	26.237	26.410	47.886
Lợi nhuận sau thuế	55.143	29.510	19.320	19.624	37.252
Tổng tài sản	219.287	212.397	330.501	446.078	442.288
Vốn điều lệ	102.704	102.704	102.704	112.915	112.915

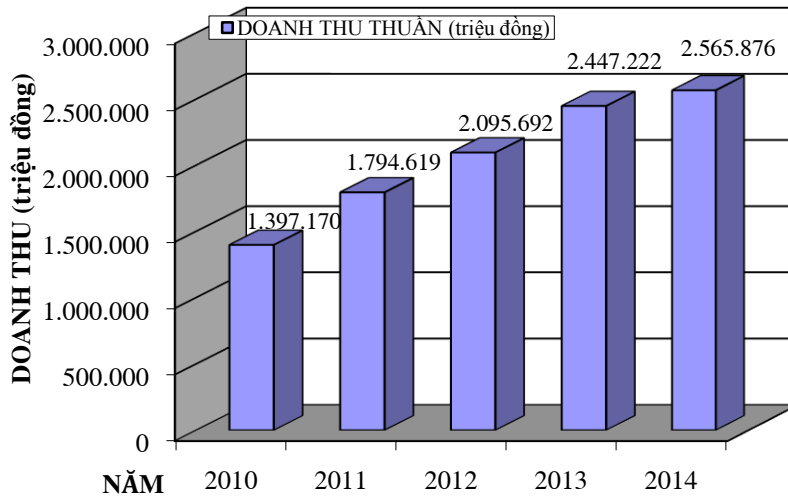
**BIỂU ĐỒ TỔNG TÀI SẢN CÔNG TY SFC
GIAI ĐOẠN 2010 - 2014**



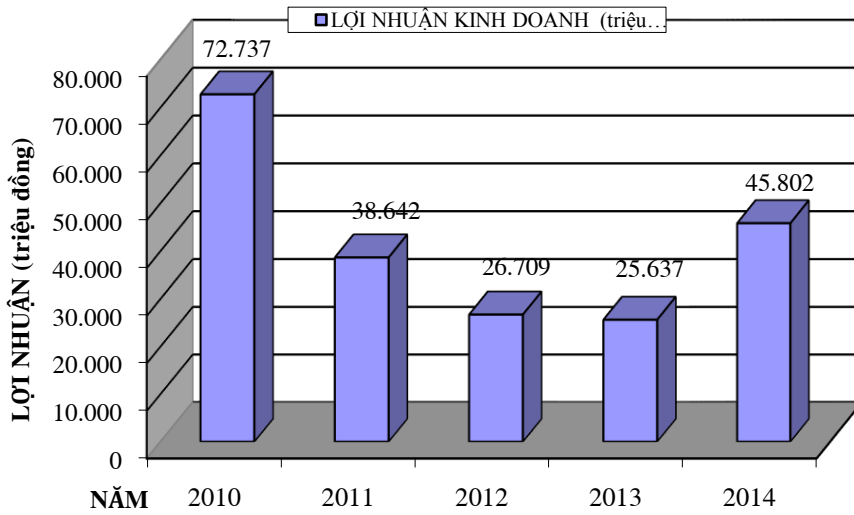
**BIỂU ĐỒ VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY SFC
GIAI ĐOẠN 2010 - 2014**



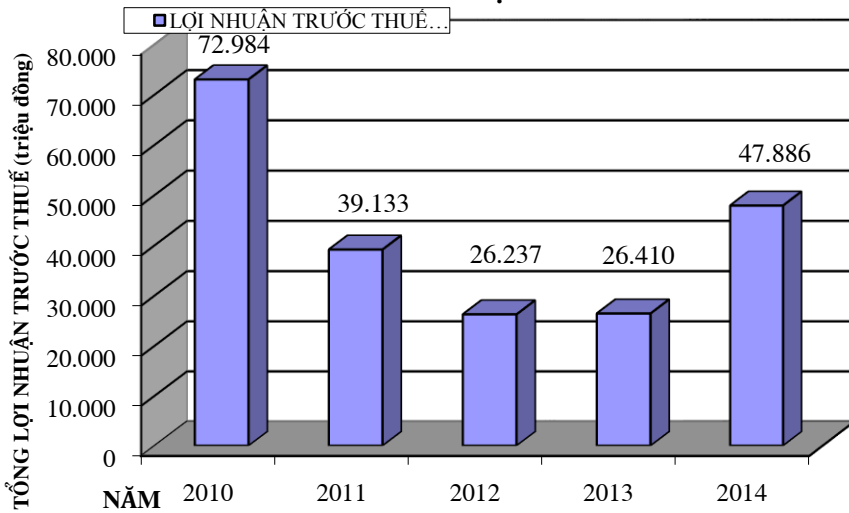
**BIỂU ĐỒ DOANH THU THUẦN CÔNG TY SFC
GIAI ĐOẠN 2010 - 2014**



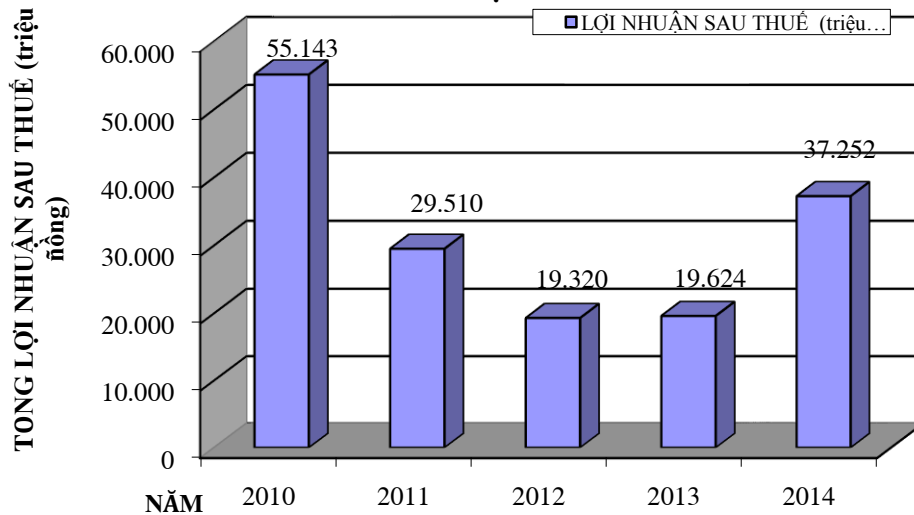
**BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KD CHÍNH
GIAI ĐOẠN 2010 - 2014**



**BIỂU ĐỒ TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
GIAI ĐOẠN 2010 - 2014**



**BIỂU ĐỒ TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ
GIAI ĐOẠN 2010 - 2014**



2. Tổ chức và nhân sự:

a. Lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành.

Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh **Tổng Giám đốc**
- Năm sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần SFC: 4,13 %/VĐL

Ông Phan Ngọc Hùng **Phó Tổng Giám đốc**
- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Ông Bùi Xuân Vũ **Phó Tổng Giám đốc**
- Năm sinh: 1969
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Bà Võ Thị Thu **Kế toán trưởng**
- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

b. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Ngày 01/01/2015 Hội đồng Quản trị biểu quyết thuận 5/5 bổ nhiệm ông Bùi Xuân Vũ vào chức danh Phó Tổng Giám Đốc thay thế Ông Cao Văn Phát nghỉ hưu.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty đến thời điểm ngày 31/12/2014 là 264 người. Cơ cấu lao động phân theo trình độ cụ thể như sau:

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Khối gián tiếp	Khối trực tiếp	Tỷ lệ (%)
1	Tiến sĩ	1	1		0,38
2	Thạc sĩ	1	1		0,38
3	Đại học	38	33	5	14,39
4	Cao đẳng	6	3	3	2,27
5	Trung cấp	34	24	10	12,88
4	Cấp 3	119	14	105	45,08
5	Cấp 2	62	6	56	23,48
6	Cấp 1	3		3	1,14
	Tổng cộng	266	85	181	100

- **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

• **Chính sách đào tạo:**

Căn cứ nhu cầu phát triển Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại cho CBNV nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc. Ngoài ra, Công ty thường xuyên huấn luyện cho Người lao động về công tác bảo hộ - an toàn lao động, các *Bộ luật liên quan và kỹ năng. Công ty đã quy định cụ thể trình độ văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn* đối với chức danh quản lý và thời gian phấn đấu với mục đích nâng cao năng lực, trình độ quản lý.

• **Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi**

Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên.

Công ty ban hành quy chế trả lương, thưởng, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CB.NV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thu nhập bình quân của người lao động đạt như sau:

Năm thực hiện	Thu nhập bình quân
2013	8.666.221 đồng/người/tháng
2014	10.440.609 đồng/người/tháng

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như mua Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn con người 24/24 giờ cho nhân viên theo Bộ Luật Lao động, Luật BHXH và Thỏa ước LĐTT.

Hàng năm kết hợp với Công đoàn khám sức khỏe định kỳ cho CBNV đồng thời tổ chức khám và chữa bệnh nghề nghiệp cho nhân viên trực tiếp bán xăng dầu. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.

Tổ chức tặng quà cho CBNV nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thương binh liệt sĩ 27/7, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12, ... Tham gia các hoạt động xã hội như tương thân tương ái, giúp đỡ CBNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo của TP, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong công ty.

Hàng năm Công ty tổ chức CBNV đi nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể với kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.

3. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	%thực hiện 2014/2013
Tổng giá trị tài sản	446.078.516.145	442.288.463.838	99,15
Doanh thu thuần	2.447.222.325.589	2.565.875.915.945	104,85
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.637.340.243	45.801.632.345	178,65
Lợi nhuận khác	773.101.765	2.084.293.403	269,60
Lợi nhuận trước thuế	26.410.442.008	47.885.925.748	181,31
Lợi nhuận sau thuế	19.624.409.410	37.252.206.575	189,83
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Vốn ĐL	16%	20%	125

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i><u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u></i>			-
+ <u>Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn</u>	<u>1,22</u>	<u>1,24</u>	-
+ <u>Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</u>	<u>0,87</u>	<u>1,12</u>	-
<i><u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u></i>			-
+ <u>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</u>	<u>60,60</u>	<u>58,34</u>	-
+ <u>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</u>	<u>153,83</u>	<u>140,02</u>	-
<i><u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u></i>			-
+ <u>Vòng quay hàng tồn kho:</u>	<u>29,09</u>	<u>41,49</u>	-
<u>Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân</u>			-
+ <u>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</u>	<u>630,26</u>	<u>577,66</u>	-
<i><u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời(%)</u></i>			-
+ <u>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần</u>	<u>0,80</u>	<u>1,45</u>	-
+ <u>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</u>	<u>11,36</u>	<u>20,70</u>	-
+ <u>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</u>	<u>5,05</u>	<u>8,39</u>	-
+ <u>Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thu thuần</u>	<u>1,05</u>	<u>1,45</u>	-

Nhận xét:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2014 rất tốt và an toàn thể hiện thông qua các chỉ số khả năng thanh toán và đặc biệt là các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận đều tăng cao so với năm trước do Công ty đã có nhiều biện pháp để giảm công nợ, giảm chi phí, sử dụng vốn hợp lý, khai thác hết công suất các mặt bằng hiện có để kinh doanh...

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**a. Cổ phần:**

- Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay (chốt danh sách cổ đông ngày 26/02/2015): 11.291.459 cổ phiếu - Trong đó có 56.640 cổ phiếu quỹ.

b. Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 26/02/02015:

HỌ TÊN / TỔ CHỨC SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN	Số lượng	%/VDL
I. Cá nhân	2.906.017	25,74%
- Trong nước	2.679.058	23,73%
+ Trong đó : CBCNV SFC	563.196	4,99%
- Nước ngoài	226.959	2,01%
II. Tổ chức	8.385.442	74,26%
- Trong nước	8.381.359	74,23%
+ Trong đó : - STS	5.758.634	50,99%
- Saigon Petro	2.259.708	20,01%
- Nước ngoài	4.083	0,03%
Tổng cộng	11.291.459	100,00%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dịch vụ Hàng hải STS	Lầu 3, Số 6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1	5.758.634	50,99%
2	Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. HCM	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM	2.259.708	20,01%
Tổng cộng			8.018.342	71,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư và chủ sở hữu năm 2014:

- Ngày 29/9/2014 Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu nắm giữ tại Công ty SFC cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dịch vụ và Hàng hải STS (24,56% VĐL) và Bà Trần Thị Thu Phương (24,75% VĐL).
- Ngày 05/12/2014 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dịch vụ và Hàng hải STS công bố kết quả chào mua công khai cổ phiếu SFC với tỷ lệ nắm giữ là 50,99% VĐL, với tỷ lệ nắm giữ trên Công ty Cổ phần Xăng dầu Dịch vụ và Hàng hải STS chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty SFC

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Tồn đầu kỳ 01/01/2013: 56.640 CP.
- Mua: 0 CP
- Bán: 0 CP
- Tồn cuối kỳ 31/12/2013: 56.640 CP

e. Cổ tức:

Thực hiện kế hoạch trả cổ tức năm 2014 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 phê chuẩn, trong năm 2014 Công ty đã tạm ứng chi cổ tức như sau:

- Đợt 1/2014 (11/2014): Công ty đã trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 15% trên VĐL 112,9 tỷ đồng đạt 107% KH.
- Đợt 2/2014: Với kết quả lợi nhuận năm 2014, Hội đồng Quản trị lập tờ trình phân phối đề xuất chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 5% trên VĐL, dự kiến thực hiện trong quý 2/2015.

f. Các chứng khoán khác:

Vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 31/12/2014 là 10.296.000.000 đồng.

- **Cty CP Cà Phê Petec:** Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng; dự kiến cổ tức năm 2014 là: **0 %**
- **Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định:** Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư: 10 tỷ đồng. dự kiến cổ tức năm 2014 là: **3 %**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

A. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đầy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ.... Trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước

tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp... Trước bối cảnh đó, Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định... nhằm tiếp tục ổn định vĩ mô, tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng, bảo đảm công tác an sinh toàn dân. Riêng đối với ngành hàng xăng dầu, năm 2014 là một năm đầy biến động của thị trường dầu mỏ thế giới làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá xăng dầu trong nước, đặc biệt vào những tháng cuối năm giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu tháng cuối năm giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu đã tác động mạnh đến nền kinh tế và làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh các ngành hàng xăng dầu - ngành hàng chủ lực của Công ty. SFC phải đối mặt với những khó khăn như:

- Nhu cầu tiêu thụ giảm do các công ty, xí nghiệp... thu hẹp sản xuất kinh doanh, ngừng hoạt động, giải thể.. và sức mua của người dân giảm.
- Nhiều công trình thi công như sửa chữa nâng cấp, mở rộng đường; xây dựng cầu vượt; phân lại luồng tuyến giao thông;... và việc Công ty thực hiện chọn lựa khách hàng, ban hành những quy định chặt chẽ với khách hàng mua trả chậm làm sản lượng bán ra của Công ty giảm.
- Nhiều đối thủ cạnh tranh có ưu thế về mặt bằng kinh doanh, về vốn đầu tư, công nghệ, năng lực quản lý...đồng thời quy hoạch đô thị, các quy định nghiêm ngặt của các cơ quan chức năng về điều kiện kinh doanh xăng dầu ngày càng chặt chẽ, khắc khe ảnh hưởng đến mạng lưới bán lẻ xăng dầu của Công ty.
- Công ty phải nhanh chóng triển khai xây dựng, sửa chữa nâng cấp một số Trạm KDXD hiện hữu để được phép tồn tại lâu dài theo Quyết định 17/2012/QĐ-UBND TP.HCM.

Tuy gặp nhiều khó khăn như trên nhưng toàn thể CB NV Công ty đã phấn đấu hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, sau đây là một số chỉ tiêu kinh doanh – tài chính đã thực hiện trong năm 2014:

Kết quả kinh doanh nêu trên được tập trung vào những mảng hoạt động chính của Công ty như sau:

1. Tình hình kinh doanh:

a. Kinh doanh xăng dầu, nhớt,....:

- *Năm nay, Công ty đã bán ra 120,391 triệu lít XD, đạt 115,20% KH2014*, trong đó 9/18 Trạm KDXD có sản lượng bán tăng so cùng kỳ năm trước. Kết quả tổng sản lượng bán ra tăng 6,326 triệu lít xăng dầu so 2013 (tăng 5,55%), trong đó bán lẻ tăng 3,274 triệu lít (tăng 4,08%), bán buôn, bán đại lý tăng 3,052 triệu lít (tăng 9,02%).
- *Tập trung đẩy mạnh kinh doanh bán lẻ* bằng nhiều biện pháp như: Tăng cường và bố trí lao động hợp lý vào giờ cao điểm, tổ chức bán ca đêm hoặc tăng giờ bán, sửa chữa trang trí Trạm KDXD theo hệ thống nhận diện thương hiệu SFC, tiếp tục thực hiện khoán lương theo sản lượng cho các Trạm KDXD và phát động các phong trào thi đua khen thưởng khuyến khích người

lao động tăng NSLĐ, đẩy mạnh bán ra,... Kết quả năm 2014 bán được 83,518 triệu lít đạt 104,07% kế hoạch.

- **Tăng cường bán buôn cho các khách hàng công nghiệp, Đại lý...:** Để giữ vững và phát triển thêm khách hàng lĩnh vực này, Công ty đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng (tặng thiệp chúc mừng nhân ngày sinh nhật, thành lập công ty, tổ chức họp mặt...) nên lượng bán buôn xăng dầu tăng đáng kể. Kết quả năm 2014 bán được 36,874 triệu lít đạt 152,05% kế hoạch.
- **Thường xuyên nắm bắt diễn biến giá cả xăng dầu** thế giới và trong nước để cân đối mua hàng với giá và số lượng phù hợp nhằm đạt lãi gộp và hiệu quả tốt nhất cho Công ty; đảm bảo cung ứng hàng hóa kịp thời theo nhu cầu các đơn vị và khách hàng. Tổ chức dự trữ hàng hóa hợp lý nên qua 24 lần tăng giảm giá trong năm đã thu được lãi gộp hơn 6,064 tỷ đồng, đóng góp vào lãi gộp và hiệu quả chung của Công ty (trong năm có 5 lần tăng giá và 19 lần giảm giá).
- **Phối hợp với Vietinbank-Mastercard phát triển dịch vụ bán xăng dầu thanh toán bằng thẻ Mastercard** tại các Trạm KDXD nhằm tạo điều kiện thuận lợi và tiện ích hơn cho các khách hàng sử dụng thẻ, đồng thời có thêm nhiều khách hàng mới và tăng doanh thu, hiệu quả cho Công ty. Doanh thu bán qua thẻ MasterCard đạt 1,034 tỷ đồng (bình quân tháng khoảng 86 triệu đồng).
- **Đàm phán chuyển đổi phương thức mua nhớt** thông qua nhà phân phối nhằm giảm thiểu hàng tồn kho, giảm thời gian lưu thông và tăng tính cạnh tranh về giá. Tiến hành thuê xe bồn vận chuyển xăng dầu thí điểm tại Trạm 4 để tính toán hiệu quả phương án đầu tư mua xe và kiểm tra, đối chiếu hao hụt nhập hàng. Triển khai việc bán thử nghiệm xăng E5 tại Trạm KDXD số 10, 20, 21.
- **Duy trì hợp đồng hợp tác với Công ty Việt ViNa tại 6 cửa hàng gas**, phục vụ nhu cầu tiêu dùng và tăng nguồn thu nhập cho Công ty, doanh thu bình quân 62,13 triệu đồng/tháng.

b. Kinh doanh dịch vụ:

Công ty đã tận dụng khai thác hầu hết các diện tích mặt bằng trong thời gian chờ đợi triển khai các dự án. Hoạt động kinh doanh của mảng này cũng đóng góp đáng kể vào doanh thu (thực hiện **19,116 tỷ đồng** đạt 104,62% KH năm 2014, bằng 131,02% so cùng kỳ) và hiệu quả chung của toàn Công ty. Lợi nhuận trước thuế thực hiện là 11,694 tỷ đồng, đạt 99,28% so KH năm do trong năm Công ty bắt đầu thu tiền từ dự án hợp tác kinh doanh với Liên Hiệp Hợp tác xã Thương Mại TP Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) xây dựng Siêu thị Co.opmart Bình Triệu.

c. Kinh doanh bất động sản:

Do tình hình kinh doanh bất động sản trong nước vẫn còn nhiều khó khăn mặc dù đã có dấu hiệu khởi sắc; việc phải lập rất nhiều thủ tục khi chuyển mục đích sử dụng đất từ kinh doanh sang đất ở đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty.

- d. **Hoạt động tài chính:** Công ty đã quản lý chặt chẽ các khoản tiền gửi, tiền vay tại các Ngân hàng, tăng cường công tác quản lý không để vốn nhàn rỗi, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty. Năm 2014 doanh thu tài chính 13,157 tỷ đồng đạt 466,39% kế hoạch năm và tăng 7,20% so với năm 2013 đây là mảng hoạt động chính của Công ty,. Lợi nhuận trước thuế đạt 9,16 tỷ đồng, đạt 324,71% so KH năm.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Mã số		TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm	CL(2014-2013)	So sánh Tốc Độ (+),(-)
100	A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	312.698.174.903	322.976.944.541	(10.278.769.638)	-3,18%
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	269.064.190.587	208.742.412.360	60.321.778.227	28,90%
111	1.	Tiền	19.064.190.587	9.642.412.360	9.421.778.227	97,71%
112	2.	Các khoản tương đương tiền	250.000.000.000	199.100.000.000	50.900.000.000	25,57%
120	II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	
121	1.	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	
129	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-	-	
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	10.437.889.113	16.942.217.772	(6.504.328.659)	-38,39%
131	1.	Phải thu của khách hàng	9.356.274.999	15.767.749.807	(6.411.474.808)	-40,66%
132	2.	Trả trước cho người bán	744.437.484	1.256.726.734	(512.289.250)	-40,76%
138	3.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.427.915.630	849.668.531	578.247.099	68,06%
139	4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(1.090.739.000)	(931.927.300)	(158.811.700)	17,04%
140	IV.	Hàng tồn kho				-65,13%

			31.979.441.483	91.708.803.424	(59.729.361.941)	
141	1.	Hàng tồn kho	31.979.441.483	91.708.803.424	(59.729.361.941)	-65,13%
142	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-	-	
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác	1.216.653.720	5.583.510.985	(4.366.857.265)	-78,21%
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		221.649.283	221.649.283)	-100.00%
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.211.653.720	5.260.261.714	(4.048.617.994)	-76,97%
154	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-	
158	4.	Tài sản ngắn hạn khác	5.000.000	101.599.988	(96.599.988)	-95,08%
200	B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	129.590.288.925	123.101.571.604	6.488.717.321	5,27%
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	
220	II.	Tài sản cố định	46.187.815.330	38.056.503.626	8.131.311.704	21,37%
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	35.285.824.300	29.641.017.899	5.644.806.401	19,04%
222		- Nguyên giá	56.404.219.286	48.227.988.967	8.176.230.319	16,95%
223		- Giá trị hao mòn lũy kế	(21.118.394.986)	(18.586.971.068)	(2.531.423.918)	13,62%
224	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	
227	3.	Tài sản cố định vô hình	4.643.223.681	5.127.819.251	(484.595.570)	-9,45%
228		- Nguyên giá	5.835.794.365	6.157.436.365	(321.642.000)	-5,22%
229		- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.192.570.684)	(1.029.617.114)	(162.953.570)	15,83%
230	4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.258.767.349	3.287.666.476	2.971.100.873	90,37%
240	III.	Bất động sản đầu tư	74.652.118.343	75.703.549.357	(1.051.431.014)	-1,39%
241		- Nguyên giá	77.561.239.699	77.473.939.864	87.299.835	0,11%
242		- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.909.121.356)	(1.770.390.507)	(1.138.730.849)	64,32%

250	IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.546.000.000	6.546.000.000	-	0,00%
251	1.	Đầu tư vào công ty con	-	-	-	
252	2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	
258	3.	Đầu tư dài hạn khác	10.296.000.000	10.296.000.000	-	0,00%
259	4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)	-	0,00%
260	V.	Tài sản dài hạn khác	2.204.355.252	2.795.518.621	(591.163.369)	-21,15%
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	1.749.491.016	2.748.434.037	(998.943.021)	-36,35%
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	454.864.236	47.084.584	407.779.652	
268	3.	Tài sản dài hạn khác	-	-	-	
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	442.288.463.828	446.078.516.145	(3.790.052.317)	- 0,85%

Nhận xét:

Tính đến 31/12/2014 tổng Tài Sản Công ty giảm 3,790 tỷ đồng tương ứng với tốc độ giảm 0,85 % so với cùng thời điểm năm 2013 do các nguyên nhân chủ yếu như sau :

- Tài Sản ngắn hạn giảm 10,28 tỷ đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 3,18 % chủ yếu là do các nhân tố sau :
 - Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 28,9% do Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn tiền nhận rồi nên tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tăng 50,9 tỷ đồng tương ứng với tốc độ tăng là 25,57% so với 2013. Trong khi đó, do thời điểm kết sổ cuối năm 2014 rơi vào kì nghỉ dài ngày của ngân hàng nên lượng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tồn cuối kỳ tăng 97,71 % so với năm 2013
 - Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 6,5tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 38,39% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do trong năm đã hoàn thành các Công Trình XD CB dở dang và đưa vào sử dụng nên giảm số dư trả trước cho đơn vị thi công các công trình trên, làm các khoản trả trước cho người bán giảm tương ứng với tỷ lệ giảm là 40,76 % so với năm 2013. Ngoài ra, công nợ phải thu giảm 6,4 tỷ đồng với tỷ lệ 40,66% so với năm 2013 do trong năm Công ty đã tăng cường các biện pháp kiểm soát công nợ bán hàng nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh xăng dầu, nợ xấu không phát sinh tăng.
 - Vào thời điểm cuối năm giá xăng dầu liên tục giảm nên các chính sách chiết khấu bán hàng cũng như thù lao xăng dầu do doanh nghiệp đầu mối cung cấp không tốt so với năm 2013, từ đó dẫn đến hàng tồn kho (31/12/2014)

giảm 59,73 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 65,13% và đây cũng là nguyên nhân làm giảm thuế VAT đầu vào tương ứng với tỷ lệ giảm là 76,97% so với năm 2013.

- Các tài sản ngắn hạn khác cũng giảm với tỷ lệ đáng kể 78,21% do, các khoản phân bổ CCDC đã được đưa hết vào chi phí trong kỳ bên cạnh đó, công tác quản lý công nợ tạm ứng rất tốt nên số dư tạm ứng cuối năm không có, đóng góp tỷ lệ giảm của tài sản ngắn hạn khác so với năm 2013 là 95,08%
- Tài sản dài hạn tăng 6,49 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 5,27% do các nhân tố chủ yếu như sau:
 - Tài sản Cố định tăng 8,13 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 21,37% chủ yếu do trong kỳ đã hoàn thành thủ tục hoàn công các công trình xây dựng cơ bản đưa vào sử dụng các công trình lớn như: Công trình xây dựng Trạm KDXD số 9, Trạm KDXD 13, kho tích liệu ... và mua sắm 10 trụ bơm đôi, trang bị thiết bị đo bồn tự động cũng như các máy móc thiết bị khác tại trạm KDXD nhằm xây dựng thương hiệu, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Bên cạnh đó, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 2,97 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 90,37% do Công ty tiếp tục triển khai công tác xây dựng mới các trạm KDXD số 6 và 21, đầu tư phần mềm ERP dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2014.
 - Bất động sản đầu tư giảm không đáng kể 1,05 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 1,39% chủ yếu do khấu hao trong kỳ.
 - Các Tài sản dài hạn khác giảm 21,15% so với 2013 chủ yếu là do trong kỳ Công ty đã phân bổ chi phí phân bổ dài hạn vào kết quả kinh doanh trong năm.

Nhìn chung, trong năm 2014 tính đến cuối kỳ tổng tài sản Công ty giảm với tỉ lệ không đáng kể 0,85% so với 2013. Tuy nhiên, các khoản nợ phải thu lại giảm với tỷ lệ cao hơn là 38,39% điều này cho thấy tình hình kiểm soát các khoản công nợ phải thu tại Công ty đang chuyển biến theo chiều hướng tốt, đồng thời các tài sản khác tăng thêm chủ yếu là do mua sắm và đầu tư mới, trang bị thêm máy móc thiết bị tân tiến tại các Trạm Kinh doanh xăng dầu nhằm tăng thêm tính minh bạch trong kinh doanh xăng dầu, tăng giá trị phục vụ khách hàng và tăng sức cạnh tranh thương mại của Công ty trong tình hình kinh doanh khó khăn chung của ngành xăng dầu hiện nay.

b. Tình hình nợ phải trả:

Mã số		NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm	CL(2014-2013)	So Sánh Tốc Độ (+),(-)
1		2	4	5	(1)	
300	A-	NỢ PHẢI TRẢ	258.017.821.213	270.338.017.405	(12.320.196.192)	-4,56%

310	I.	Nợ ngắn hạn	251.509.178.738	265.147.251.405	(13.638.072.667)	-5,14%
311	1.	Vay và nợ ngắn hạn	147.244.240.000	238.793.840.000	(91.549.600.000)	-38,34%
312	2.	Phải trả người bán	52.319.098.825	8.170.433.929	44.148.664.896	540,35%
313	3.	Người mua trả tiền trước	30.726.540.417	139.970.309	30.586.570.108	21852,18%
314	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.079.528.499	7.677.302.323	1.402.226.176	18,26%
315	5.	Phải trả người lao động	8.521.251.920	7.602.050.963	919.200.957	12,09%
316	6.	Chi phí phải trả	376.912.330	334.447.344	42.464.986	12,70%
317	7.	Phải trả nội bộ	-	-	-	
318	8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
319	9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.668.268.309	1.551.312.171	116.956.138	7,54%
320	10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	
323	11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.573.338.438	877.894.366	695.444.072	79,22%
330	II.	Nợ dài hạn	6.508.642.475	5.190.766.000	1.317.876.475	25,39%
333	1.	Phải trả dài hạn khác	5.433.698.100	5.190.766.000	242.932.100	4,68%
336	2.	Dự phòng phải trả dài hạn	1.074.944.375	-	1.074.944.375	100%

Nhận xét:

- Tình hình nợ hiện tại của Công ty và những biến động lớn về các khoản nợ:
 - Nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2014 giảm 12,32 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 4,56% so với cùng thời điểm năm 2013 là do các nguyên nhân như sau :
 - Nợ ngắn hạn giảm 13,6tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 5,14 % chủ yếu là do:
 - Nợ vay ngắn hạn giảm 91,54 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 38,34%, sở dĩ tỷ lệ này giảm do vào thời điểm cuối năm giá xăng dầu liên tục giảm nên chính sách của doanh nghiệp đầu mỗi dành cho Tổng đại lý không tốt so với cùng thời điểm 2013. Song song đó, lượng mua hàng thanh toán trước để hưởng chiết khấu bán hàng của doanh nghiệp đầu mỗi cũng giảm so với cuối năm 2013, các khoản vay ngắn hạn các ngân hàng giảm theo. Để đảm

bảo nguồn hàng cho hoạt động kinh doanh Công ty đã chuyển sang mua hàng trả chậm. Bên cạnh đó, nhà đầu tư mới (Công ty Cổ phần Xăng dầu Dịch vụ và Hàng hải–STS) tham gia vào công ty có khả năng chi phối là một doanh nghiệp đầu mỗi xăng dầu đã hỗ trợ thêm về hạn mức thanh toán nợ chậm cho công ty. Đây cũng là lý do vì sao các khoản phải trả người bán cũng tăng 44,15 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 540,35 % so với cùng kỳ năm 2013.

- Khoản người mua trả tiền trước tăng 30,58 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 21852,18 % do trong kỳ đối tác mua căn nhà 105 Lê Lợi đã thanh toán trước hơn 80 % giá trị căn nhà.
 - Các khoản phải trả khác cũng tăng nhưng tỷ lệ tăng không đáng kể.
- Nợ dài hạn năm 2014 tăng 695 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ tăng là 25,39% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do trong năm Công ty có dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động 1,1 tỷ đồng
- Trong năm, Công ty không có phát sinh nợ phải trả xấu cũng như không chịu ảnh hưởng của Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

3. Tình hình thực hiện các dự án:

- Dự án Căn hộ thương mại tại 105 Lê Lợi, Gò Vấp:** Tiếp tục bổ sung hồ sơ theo qui định trước khi chuyển nhượng dự án cho Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận.
- Dự án Cao ốc Văn Phòng tại 1A Phạm Ngọc Thạch:** Phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành (DoThanhReal) thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với họ.

4. Sửa chữa nâng cấp các Trạm xăng dầu:

- Trong năm, Công ty đã xây dựng mới Trạm KDXD số 21 và Trạm KDXD số 6; đồng thời lập hồ sơ xin giấy phép xây dựng cho Trạm KDXD số 17 nhằm đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh theo Quyết định 17/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của UBND Thành phố.
- Thực hiện trang bị và hướng dẫn sử dụng hệ thống chữa cháy bán tự động bằng dung dịch Foam cho tất cả CBNV và lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy trung tâm cho các Trạm KDXD theo quy định. Đồng thời, tiến hành lập hồ sơ thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC theo hiện trạng và đã có 13/17 Trạm KDXD được Sở Cảnh sát PCCC TP. HCM thẩm duyệt và đồng ý nghiệm thu.
- Tiến hành sửa chữa, nâng cấp và trang bị mới toàn bộ nội thất cho tất cả các Trạm KDXD trong hệ thống nhằm tạo vẻ mỹ quan và phục vụ tốt công tác kinh doanh tại đơn vị.
- Đã lắp đặt hệ thống đo bồn tự động cho 10/17 Trạm KDXD; đầu số Nam Dương cho các trụ bơm và tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý hao hụt hàng hóa từ đầu vào đến đầu ra tại các trạm KDXD. Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Chất lượng TP.HCM tổ chức kiểm định định kỳ và theo dõi thường xuyên tất cả trụ bơm tại các Trạm KDXD trực thuộc công ty.

- e. Đảm bảo kịp thời công tác sửa chữa các máy bơm, trụ bơm, máy phát điện... và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị phục vụ kinh doanh tại các Trạm XD.

5. Công tác phát triển mạng lưới: Thực hiện chủ trương của Hội đồng Quản trị, trong thời gian qua Công ty tích cực tìm kiếm, khảo sát 32 Trạm xăng dầu (trong đó 11 điểm ở TPHCM và 21 điểm ở các tỉnh) để tính toán hiệu quả xem xét, lựa chọn thuê, hợp tác hoặc sang nhượng. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa phát triển thêm Trạm KDXD do một số điều kiện khách quan từ phía đối tác, hiệu quả...

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- **Hội đồng Quản trị đã định hướng tập trung đẩy mạnh bán lẻ** nhằm phát triển thị phần, phấn đấu trở thành một trong những công ty kinh doanh bán lẻ hàng đầu tại TP bằng các biện pháp cụ thể như: đầu tư mở rộng mạng lưới, nâng cấp chỉnh trang mạng lưới bán hàng; xây dựng văn hóa bán hàng Công ty; cải tiến mô hình tổ chức bộ máy quản lý, chú trọng công tác tiền lương, đào tạo, khen thưởng...
- **Xây dựng, triển khai “Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi” của Công ty** đến từng CBNV; Xây dựng chiến lược Công ty và chiến lược từng Đơn vị theo phương pháp của BSC và đặc biệt BTGD quy định trọng số đối với từng mục tiêu cụ thể để làm căn cứ xem xét thi đua năm đối với các Đơn vị.
- **Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các định chế quản lý** giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành bài bản, chính quy, an toàn và hiệu quả. Trong năm 2014, Công ty đã nghiên cứu đề xuất chỉnh sửa, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng, quy trình bán hàng, quy trình nhập hàng...cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành.
- **Theo dõi sát tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh** hàng tuần, hàng tháng của các đơn vị theo từng ngành kinh doanh xăng dầu, tài chính, mặt bằng và bất động sản để xem xét, đánh giá, qua đó kịp thời đưa ra những biện pháp phù hợp, chấn chỉnh hoạt động nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch.
- **Thường xuyên, định kỳ tổ chức kiểm tra** các Trạm KDXD, nhắc nhở các đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định... nhất là quy chế bán hàng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro trong kinh doanh và giảm tỉ lệ phát sinh công nợ quá hạn/tổng nợ toàn Công ty. Tỷ lệ nợ quá hạn /tổng nợ đến 02/01/2015 là 7,23% bằng 61,90% so với tỷ lệ nợ quá hạn ở thời điểm đầu năm 2014 (1/1/2014-11,68%).
- **Tổ chức kiểm tra kiểm soát chất lượng xăng dầu** trong toàn bộ hệ thống phân phối của mình từ khâu giao nhận, vận chuyển và hoạt động kinh doanh trên thị trường, nhằm bảo đảm chất lượng xăng dầu tốt nhất đến tay người tiêu dùng.

- **Công tác quản lý tài sản, kiểm soát doanh thu, chi phí hoạt động:** Công ty đã điều chỉnh và ban hành một số qui định, các biểu mẫu báo cáo, chứng từ kế toán nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các qui trình, qui định, tình hình lưu trữ và sử dụng hóa đơn tại các Cửa hàng, Trạm KDXD. Đồng thời, rà soát toàn bộ chi phí của toàn Cty, thực hành triệt để tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty.
- **Việc thu hồi công nợ:** Trong năm, Công ty tích cực liên hệ, đôn đốc các Tòa án, Đơn vị thi hành án địa phương và đã thu hồi được công nợ của DNTN Trường Giang 474 triệu đồng (Khoản nợ này Công ty thu hồi vào tháng 1/2015).
- **Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008:** tiến hành xem xét điều chỉnh và ban hành lại toàn bộ các quy trình, quy định, hướng dẫn, mẫu biểu,... đưa vào hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế.
- **Triển khai dự án "Hệ thống đánh giá thành tích công việc":** Qua đó xây dựng chính sách trả lương theo giá trị vị trí, năng lực thực tế và thành tích của từng cá nhân nhằm mục đích tăng hiệu quả làm việc, tạo sự công bằng và thúc đẩy CBNV luôn học hỏi, phát triển để đạt chỉ tiêu cá nhân cũng như chỉ tiêu chiến lược của Công ty.
- **Phần mềm XMAN -ERP:** Phối hợp với Công ty TNHH Phương Bắc (FBS) tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm XMAN cho các Trưởng trạm, Trưởng ca. Triển khai áp dụng phần mềm XMAN vào công tác chấm công, lương, hạch toán, kinh doanh, giao ca bán hàng, mua hàng... trên toàn hệ thống.
- **Chương trình 5S được thường xuyên duy trì trên toàn bộ mạng lưới kinh doanh:** để cải tiến môi trường kinh doanh và làm việc sạch đẹp, tiện lợi; xây dựng ý thức và thói quen làm việc chuyên nghiệp, nâng cao năng suất, góp phần hình thành văn hóa Công ty và hỗ trợ tích cực cho công tác quảng bá, nhận diện thương hiệu. Trong năm, Công ty đã phối hợp với Công ty Hạnh Gia tổ chức khảo sát, đào tạo, xây dựng bảng tiêu chí và tiến hành đánh giá tình hình thực hiện chương trình 5S tại các Trạm và quy định rõ thời gian khắc phục và trách nhiệm của cá nhân, Đơn vị.
- **Chương trình thực hiện bốn chữ vàng "Cảm ơn – Xin lỗi":** được Công ty quy định cụ thể trong đánh giá thi đua cho cá nhân, tập thể và thường xuyên đào tạo, nhắc nhở nhân viên bán hàng nghiêm túc thực hiện nhằm xây dựng thương hiệu SFC; nâng cao chất lượng phục vụ và thu hút khách hàng.
- **Thực hiện chương trình khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng trên toàn hệ thống:** Nhằm nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng, năng lực cạnh tranh và phát triển thương hiệu SFC. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Nielsen thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng đối

với các dịch vụ của SFC và đây cũng là cơ sở để thực hiện đánh giá KPI xem xét thi đua khen thưởng cuối năm cho cá nhân và tập thể.

- **Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho các cấp quản lý, nhân viên và đoàn viên thanh niên**, trong năm đã phối hợp với đơn vị tư vấn, đào tạo tổ chức các khóa học: Trung cấp nghiệp vụ xăng dầu; Lớp “Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu”; “Kỹ năng giao tiếp và bán hàng hiệu quả”; Tập huấn sửa chữa trụ bơm tại các Trạm KDXD; “Chiến binh Kaizen SFC”; “Tám sức mạnh cho một cuộc sống hiệu quả”, tổ chức Teambuilding “Vượt sóng thành công” cho CB NV văn phòng Công ty; Lớp học “Sức mạnh lời nói, làm chủ cảm xúc” cho Đoàn viên thanh niên... qua đó đã bổ sung, cập nhật nhiều kiến thức về quản trị, nghiệp vụ và đem lại tinh thần phấn khởi, chan hòa trong tập thể.
- **Xây dựng và ban hành quy trình nhận xét đánh giá thi đua khen thưởng, tiêu chí đánh giá thi đua**, chỉnh sửa các biểu mẫu chấm điểm nhằm giúp việc xét thi đua cho tập thể và cá nhân phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị, việc bình bầu được công bằng, phân minh, tiết kiệm thời gian. Đồng thời trong năm Công ty đã thay đổi phương thức và hình thức trao thưởng cho các cá nhân thuộc khối lao động trực tiếp có thành tích xuất sắc nhằm khích lệ tinh thần tích cực thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- **Thường xuyên kiểm tra công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, PCCC tại các Đơn vị**; Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, lập sổ chủ nguồn thải, tiến hành thu gom chất thải nguy hại và lập phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cho các Trạm KDXD theo quy định. Tăng cường công tác trực đơn vị vào những ngày Lễ Tết đảm bảo an toàn an ninh trật tự, PCCC tại Đơn vị

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN:

Kế hoạch kinh doanh năm 2015:

- **Tổng doanh thu : 1.834,280 tỷ đồng**
Trong đó: - Kinh doanh XD, nhớt: 1.777,624 tỷ đồng.
 - Kinh doanh dịch vụ, đầu tư tài chính và KD khác: 56,656 tỷ đồng.
- **Tổng lợi nhuận trước thuế : 30,42 tỷ đồng**
Trong đó: - Kinh doanh XD, nhớt: 12,30 tỷ đồng.
 - Kinh doanh dịch vụ và KD khác: 18,12 tỷ đồng.
- **Tổng lợi nhuận sau thuế : 23,77 tỷ đồng**
Trong đó: - Kinh doanh XD, nhớt: 9,594 tỷ đồng.
 - Kinh doanh dịch vụ, đầu tư tài chính và KD khác: 14,176 tỷ đồng.
- **Tỷ lệ Cổ tức:** Dự kiến tối thiểu 18% trên vốn điều lệ.

1. Biện pháp kinh doanh:

- Thường xuyên nắm bắt diễn biến giá cả xăng dầu thế giới và trong nước để cân đối mua hàng với giá và số lượng phù hợp, đồng thời tìm kiếm nhằm đạt lãi gộp và hiệu quả tốt nhất cho Công ty; đồng thời đảm bảo cung ứng hàng hóa kịp thời theo nhu cầu Đơn vị.
- Tích cực tìm biện pháp đẩy mạnh bán ra ngay từ đầu năm với phương châm tập trung bán lẻ là chủ yếu (chiếm tỷ trọng 90%), tăng cường bán buôn và bán cho Đại lý đảm bảo đúng quy chế bán hàng, an toàn và đạt hiệu quả.
- Lập báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh xăng dầu hàng tuần và hàng tháng cho kinh doanh tài chính, mặt bằng và bất động sản để xem xét, đánh giá, qua đó kịp thời đưa ra những biện pháp phù hợp, chấn chỉnh hoạt động đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch.
- Quản lý tốt hàng hóa, tiếp tục thực hiện việc trang bị thước đo bồn tự động, thay đầu số trụ bơm, kiểm tra bồn chứa xăng dầu, theo dõi thực hiện đầy đủ quy trình nhập hàng để đảm bảo tỷ lệ tiết kiệm hao hụt xăng dầu tại các Trạm KDXD và Chi nhánh Đồng Tháp.
- Quản lý chặt chẽ công nợ để tránh rủi ro và tích cực thu hồi công nợ, theo dõi các công nợ đã khiếu kiện không để dây dưa, kéo dài; tăng cường kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn các sai sót, tiêu cực có thể xảy ra.
- Nghiên cứu thị trường, tổ chức các đợt quảng cáo, khuyến mãi để quảng bá thương hiệu. Xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng linh hoạt, thiết thực nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Đồng thời, triển khai nhiều biện pháp đồng bộ để giữ chân đại lý và thu hút thêm đại lý mới như chính sách giá cả, chính sách bán hàng theo hướng chia sẻ lợi ích và rủi ro vào các thời điểm biến động giá.
- Đẩy mạnh Chương trình Bán phiếu xăng dầu - Bảo hiểm xe cho các Cơ quan doanh nghiệp trong Khôi, khu vực gần Trạm KDXD, phát triển việc bán phiếu xăng dầu online (thông qua website Công ty).
- Tính toán vòng quay tồn kho hợp lý cho mặt hàng nhớt, tập trung bán các loại nhớt có doanh số và hiệu quả cao.
- Tích cực, chủ động trong việc tìm kiếm, thương thảo hợp tác/ thuê/mua cây xăng để phát triển mạng lưới bán lẻ.
- Hợp lý hóa việc tổ chức ca bán hàng với số lao động hợp lý nhất, kiên quyết yêu cầu nhân viên bán hàng phải thực hiện tốt bốn chữ vàng “Cám ơn – Xin lỗi“, luôn vui vẻ và ân cần với khách hàng; đào tạo “Kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp“ cho nhân viên bán hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, chuyên nghiệp hơn, hạn chế thấp nhất các thao tác thừa khi bán hàng, tập trung phục vụ khách hàng tốt nhất trong giờ cao điểm để ngày càng phát triển thị phần của Công ty trên thương trường.

- Nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thông tin đối thủ, đối tác từ đó xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng linh hoạt, thiết thực; tổ chức các đợt quảng cáo, khuyến mãi...nhằm đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu, mở rộng thị phần, nâng cao chất lượng phục vụ và thu hút khách hàng.
- Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng toàn Công ty để chấn chỉnh và nâng cao dịch vụ phục vụ khách hàng ngày càng chuyên nghiệp và tốt hơn.
- **Kinh doanh mặt bằng, dịch vụ**: Khai thác kinh doanh triệt để các mặt bằng, điều chỉnh giá cho thuê phù hợp khi hợp đồng hết hạn, ưu tiên mặt bằng cho kinh doanh xăng dầu, tránh bề bộn phức tạp ảnh hưởng đến mỹ quan, an toàn vệ sinh lao động và công tác phòng cháy chữa cháy của Trạm KDXD.
- **Doanh thu tài chính**: Lập kế hoạch dòng tiền, cân đối nguồn vốn, tận dụng tối đa nguồn vốn nhân rồi, tìm kiếm nguồn vay lãi suất thấp nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty. Kiểm soát chặt chẽ từng khoản mục phí theo kế hoạch đã được duyệt cho từng bộ phận, hàng tháng có báo cáo để kịp thời điều chỉnh.
- **Kinh doanh bất động sản** : Tiếp tục mở rộng thêm kênh thông tin, trang diện tử để tìm kiếm khách hàng đẩy nhanh việc bán các bất động sản còn lại nhằm sớm thu hồi vốn cho Công ty.

2. Biện pháp tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện cơ cấu bộ máy; xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp, gắn bó với Công ty thông qua chính sách tuyển dụng thích hợp, đào tạo và tái đào tạo để chuẩn bị nguồn nhân lực kế thừa đáp ứng được yêu cầu về quản lý và phát triển kinh doanh của Cty. Đồng thời, xây dựng hình thức, biểu mẫu ..đánh giá kết quả học tập của CB NV phù hợp với từng loại hình đào tạo nhằm giúp Công ty đánh giá chất lượng lớp học và rút kinh nghiệm trong công tác đào tạo.
- Nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung quy chế trả lương trả thưởng Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của Nhà Nước. Hoàn thành triển khai dự án “Đánh giá thành tích công việc“ để áp dụng KPI vào đánh giá và tính lương thành tích cho CBNV Công ty trong năm 2015.
- Nghiên cứu, soạn thảo quy trình, tiêu chí nhận xét đánh giá công tác thi đua, chỉnh sửa các biểu mẫu chấm điểm nhằm giúp việc xét thi đua cho tập thể và cá nhân phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị.
- Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với công ty để nắm tâm tư nguyện vọng của người lao động và qua đó hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực của công ty.
- củng cố, duy trì thực hiện thường xuyên Chương trình 5S trong toàn Công ty để cải tiến môi trường kinh doanh và làm việc sạch đẹp, tiện lợi; xây dựng ý thức và thói quen làm việc chuyên nghiệp, nâng cao năng suất,...nhằm xây

dựng hình ảnh đẹp của Công ty và tạo điều kiện cho việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sau này.

- Hoàn thành xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, Hoàn chỉnh phần mềm XMAN – ERP ở các phân hệ kế toán, kinh doanh, nhân sự nhằm phục vụ tốt công tác quản trị của Công ty.
- Thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ để tránh rủi ro và thu hồi công nợ. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc chấp hành các Quy chế, Quy định của Cty; đồng thời sẽ tổ chức thiết lập một quy trình quản lý, kiểm tra kiểm soát nội bộ hữu hiệu trong toàn Cty để nâng cao hiệu quả công việc và ngăn ngừa, phát hiện kịp thời những sai sót hoặc tiêu cực.

3. Biện pháp đầu tư và phát triển mạng lưới:

- Triển khai việc tìm kiếm các cửa hàng xăng dầu thương lượng hợp tác kinh doanh hoặc thuê mặt bằng nhằm phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.
- Thực hiện xây dựng trạm KDXD số 17, đồng thời triển khai sửa chữa, nâng cấp các Trạm KDXD theo kế hoạch để phù hợp với các quy định của Nhà Nước và thu hút khách hàng.
- Tiến hành rà soát, kiểm tra các trụ bơm tại các Trạm KDXD lập phương án thay mới, sửa chữa định kỳ nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Trạm được liên tục và tạo niềm tin đối với khách hàng.
- Tiếp tục lắp đặt hệ thống đo bồn tự động và hệ thống báo cháy về trung tâm CS PCCC Thành Phố cho các Trạm KDXD còn lại theo quy định.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng Quản trị đã thiết lập cơ chế họp định kỳ hàng tháng để xây dựng định hướng phát triển, xây dựng và hoạch định chiến lược, ấn định các mục tiêu kinh doanh, tài chính giao cho Ban điều hành. Các thành viên HĐQT, BKS tham gia đầy đủ các phiên họp kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết định phù hợp để Ban điều hành thực hiện tốt định hướng của Đại hội đồng cổ đông .
- Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng theo quy định điều lệ và làm tốt công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực triển khai công việc, có kết luận cụ thể về các định hướng hành động và điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tiễn kinh doanh nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả.
- Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của cơ quan ban ngành về công bố thông tin định kỳ, đột xuất ; các báo cáo tài chính hàng quý,

giữa niên độ và năm. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố trên trang website của Công ty, trên các phương tiện thông tin và được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:

- Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết; đồng thời phân công một số thành viên trực tiếp làm việc, hỗ trợ Ban điều hành để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.
- Định kỳ hàng tháng, Hội đồng Quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tình hình quản lý, điều hành Công ty, những vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh và chỉ đạo các công việc liên quan đến thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Hoạt động của Tổng Giám đốc đều tuân thủ theo pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Tập trung đẩy mạnh bán lẻ nhằm phát triển thị phần, phấn đấu trở thành một trong những công ty kinh doanh bán lẻ hàng đầu tại TP HCM.
- Thực hiện chủ trương mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu theo hướng tìm kiếm các Trạm KDXD hiện hữu trong khu vực thành phố HCM và ngoại thành để hợp tác hoặc thuê mặt bằng dài hạn. Trong năm sẽ phát triển ít nhất 01 Trạm KDXD nhằm mở rộng mạng lưới bán lẻ và thay thế những Trạm bị giải tỏa theo quy hoạch Thành phố.
- Đầu tư nâng cấp các Trạm KDXD, trong năm ít nhất xây dựng, sửa chữa 02 Trạm KDXD của Công ty nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tăng sản lượng bán ra và hiệu quả cho Công ty.
- Đẩy mạnh việc hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán xăng dầu qua thiết bị thanh toán thẻ giữa SFC, Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Vietinbank) và Mastercard, nhằm đa dạng hóa hình thức thanh toán tạo thuận lợi và thu hút thêm khách hàng.
- Tăng cường công tác quản lý và khai thác hết công suất các cơ sở vật chất hiện có, cố gắng duy trì doanh thu ở mảng kinh doanh mặt bằng dịch vụ.
- Quản lý tốt dòng tiền đáp ứng nhu cầu kinh doanh và đầu tư cho các ngành hàng. Tính toán tận dụng nguồn vốn trong từng thời điểm để tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thông tin đối thủ, đối tác từ đó xây dựng chiến lược marketing phù hợp với ngành hàng nhằm phát triển thị trường và thương hiệu SFC bằng nhiều hình thức bán hàng, dịch vụ trước và sau bán hàng,.... để giữ khách hàng và thu hút nhiều khách hàng mới.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo hệ thống hóa toàn bộ hệ thống quản lý từ Trạm đến Công ty nhằm tăng cường công tác quản lý. Đồng thời, đưa hệ thống ERP phục vụ kịp thời nhu cầu quản lý của Công ty.
- Xây dựng và củng cố bộ máy, mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Huấn luyện, đào tạo để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực quản lý, chất lượng phục vụ.
- Xây dựng và áp dụng BSC vào việc thực hiện chiến lược kinh doanh, áp dụng KPI cho từng nhân viên để giao việc và đánh giá kết quả công việc từ đó xây dựng chính sách lương phù hợp kích thích người lao động tăng năng suất, hiệu quả công việc được giao.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp để tạo nên một tập thể gắn bó và đoàn kết nhằm góp phần hoàn thành kế hoạch năm.
- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 trên toàn Công ty để có thể cung cấp dịch vụ tốt hơn và thỏa mãn nhu cầu khách hàng, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty. Đồng thời, giúp cho việc quản lý điều hành Công ty hiệu quả hơn thông qua các quy trình, quy định, hướng dẫn, biểu mẫu, từ đó tăng năng suất lao động, chất lượng quản lý và năng lực quản lý rủi ro.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên, gồm 01 chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 3 ủy viên, trong đó có 2 thành viên tham gia Ban điều hành (Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh – Tổng Giám đốc và Ông Phan Ngọc Hùng – Phó Tổng Giám đốc).

Ngày 03/10/2014 Bà Đặng Thị Lài là Thành viên HĐQT đã gửi đơn đến văn phòng Công ty xin từ nhiệm vì lý do cá nhân. Hội đồng Quản trị đã chấp thuận và bổ nhiệm Ông Lê Trọng Hiếu làm thành viên HĐQT thay thế kể từ 03/10/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 sẽ thông qua quyết định này.

Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Chủ tịch

1972
Tiến sĩ Kinh tế

Ông Châu Văn Chơn

- Năm sinh:
 - Trình độ chuyên môn:
- Luật

Phó Chủ tịch

1962
Cử nhân Tài chính kế toán, Cử nhân

Ông Lê Trọng Hiếu

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Thành viên

- 1968
- Cử nhân Kinh tế

Ông Phan Ngọc Hùng

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Thành viên

- 1979
- Thạc sỹ kinh tế

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Thành viên

- 1963
- Cử nhân Kinh tế

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tổ chức 19 cuộc họp thường kỳ và đột xuất, đồng thời ban hành 19 nghị quyết, 02 quyết định thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013. Trong những buổi họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng, Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty. Kết quả năm 2013 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự.
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch	19/19	100	
2	Châu Văn Chon	P. Chủ tịch	19/19	100	
3	Đặng Thị Lại	Thành viên	14/19	74	Không tham gia HĐQT từ 03/10/2014
4	Phan Ngọc Hùng	Thành viên	19/19	100	
5	Nguyễn Thiện Tâm	Thành viên	19/19	100	
6	Lê Trọng Hiếu	Thành viên	5/19	26	Tham gia HĐQT từ 03/10/2014

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành.

Thực hiện thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính, kể từ 18/4/2013 Hội đồng Quản trị Công ty có 1 thành viên độc lập là ông Nguyễn Thiện Tâm, với vai trò là thành viên HĐQT độc lập Ông Tâm đã tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT và đưa ra một số ý kiến thiết thực đóng góp cho hoạt động chung của Công ty.

d. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty: là 9/9 người.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty hiện nay có 02 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên, trong đó có 01 thành viên BKS tham gia điều hành (Bà Trần Hoàng Phượng – Giám Đốc Nhân Sự). Ngày 6/10/2014 Ông Phạm Tài Xuân đã gửi đơn đến văn phòng Công ty xin từ nhiệm vì lý do cá nhân và đã được Ban Kiểm soát chấp thuận. Vị trí khiếm khuyết 01 thành viên Ban Kiểm Soát sẽ được bầu bổ sung tại Đại Hội Đồng cổ đông thường niên 2014.

Ông Phạm Trần Hiền

Trưởng Ban

- Năm sinh: 1965
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Bà Trần Hoàng Phượng

Thành viên

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Sinh hoạt của Ban kiểm soát:

- + Định kỳ mỗi quý, Ban Kiểm soát tổ chức họp để thông báo tình hình kinh doanh, tài chính, các hoạt động đầu tư và hoạt động khác của Công ty phát sinh trong quý và xây dựng chương trình công tác của Ban Kiểm soát trong quý sau.
- + Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị; đồng thời cử đại diện tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần của Ban Tổng Giám đốc; tham gia ý kiến trực tiếp về việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế của Công ty có liên quan trong hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.

- Năm 2014 Ban Kiểm soát đã tổ chức thực hiện một số công việc như sau:

- + Phối hợp với Ban điều hành trong công tác rà soát, kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng bán hàng, thực hiện và quản lý công nợ bán hàng. Đề xuất các bộ phận có liên quan quản lý tốt công nợ nhằm đảm bảo an toàn vốn và giảm chi phí lãi vay.
- + Kiểm tra, góp ý chính sách mua hàng kinh doanh của Cty.
- + Xem xét báo cáo kiểm toán xây dựng cơ bản các công trình Trạm KDXD số 9 và Trạm KDXD số 13 và có văn bản góp ý về công tác quản lý xây dựng các trạm xăng dầu. Đóng góp ý kiến về chọn thầu xây dựng trạm 6 và trạm 21.

- + Đóng góp ý kiến về việc công tác quản lý tiền gửi của Cty tại các ngân hàng nhằm đảm bảo an toàn và lãi suất tối ưu.
- + Tham gia xây dựng kế hoạch 2015.
- + Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp giao ban.
- + Thăm định báo cáo tài chính quý, năm 2014 của Công ty SFC.
- + Xem xét báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán năm 2014.

Nhận xét về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Ban Kiểm soát đã tổ chức thăm định báo cáo tài chính năm 2014 của Cty CP Nhiên liệu Sài Gòn (đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán);

Nhận xét và kết luận: Các số liệu được nêu trong Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn (SFC) tại thời điểm 31/12/2014 tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích: của thành viên HĐQT, BKS và BTGD:

a. Thù lao của HĐQT và BKS:

- Chủ tịch HĐQT - 5.500.000 đồng/tháng.
- Phó Chủ tịch HĐQT - 4.750.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT - 3.950.000 đồng/tháng.
- Trưởng BKS - 3.950.000 đồng/tháng.
- Thành viên BKS - 3.150.000 đồng/tháng.

b. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm, Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định theo luật định đối với công tác quản trị Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Công ty”) trước đây là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1975.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2000, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103000145 ngày 1 tháng 9 năm 2000, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 9 năm 2004 theo Giấy phép số 31/GPPH của Ủy Ban Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, cho thuê bất động sản đầu tư, và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại 146E Đường Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch	
Ông Châu Văn Chơn	Phó Chủ tịch	
Ông Phan Ngọc Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Thiện Tâm	Thành viên	từ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2015
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2015
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2014
Bà Đặng Thị Lài	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trần Hiền	Trưởng ban	
Bà Trần Hoàng Phương	Thành viên	
Ông Phạm Tài Xuân	Thành viên	từ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2014

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Tổng Giám đốc	
Ông Cao Văn Phát	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Bùi Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Phan Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

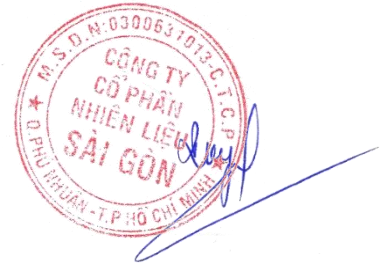
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Tuấn Quỳnh

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 61119190/17109958

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam,

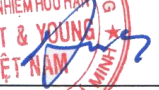
Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1



Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		312.698.174.903	322.976.944.541
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	269.064.190.587	208.742.412.360
111	1. Tiền		19.064.190.587	9.642.412.360
112	2. Các khoản tương đương tiền		250.000.000.000	199.100.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.437.889.113	16.942.217.772
131	1. Phải thu khách hàng	5	9.356.274.999	15.767.749.807
132	2. Trả trước cho người bán		744.437.484	1.256.726.734
135	3. Các khoản phải thu khác		1.427.915.630	849.668.531
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.090.739.000)	(931.927.300)
140	III. Hàng tồn kho	6	31.979.441.483	91.708.803.424
141	1. Hàng tồn kho		31.979.441.483	91.708.803.424
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.216.653.720	5.583.510.985
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	221.649.283
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.211.653.720	5.260.261.714
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		5.000.000	101.599.988
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		129.590.288.935	123.101.571.604
220	I. Tài sản cố định		46.187.815.340	38.056.503.626
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	35.285.824.310	29.641.017.899
222	Nguyên giá		56.404.219.296	48.227.988.967
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.118.394.986)	(18.586.971.068)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	4.643.223.681	5.127.819.251
228	Nguyên giá		5.835.794.365	6.157.436.365
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(1.192.570.684)	(1.029.617.114)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	6.258.767.349	3.287.666.476
240	II. Bất động sản đầu tư	10	74.652.118.343	75.703.549.357
241	1. Nguyên giá		77.561.239.699	77.473.939.864
242	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(2.909.121.356)	(1.770.390.507)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	6.546.000.000	6.546.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		10.296.000.000	10.296.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.204.355.252	2.795.518.621
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.749.491.016	2.748.434.037
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.2	454.864.236	47.084.584
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		442.288.463.838	446.078.516.145

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

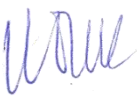
VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		258.017.821.213	270.338.017.405
310	I. Nợ ngắn hạn		251.509.178.738	265.147.251.405
311	1. Vay ngắn hạn	13	147.244.240.000	238.793.840.000
312	2. Phải trả người bán	14	52.319.098.825	8.170.433.929
313	3. Người mua trả tiền trước		30.726.540.417	139.970.309
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.079.528.499	7.677.302.323
315	5. Phải trả người lao động		8.521.251.920	7.602.050.963
316	6. Chi phí phải trả		376.912.330	334.447.344
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	1.668.268.309	1.551.312.171
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.573.338.438	877.894.366
330	II. Nợ dài hạn		6.508.642.475	5.190.766.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		5.433.698.100	5.190.766.000
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.074.944.375	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		184.270.642.625	175.740.498.740
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	184.270.642.625	175.740.498.740
411	1. Vốn cổ phần		112.914.590.000	112.914.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.220.495.600	9.220.495.600
414	3. Cổ phiếu quỹ		(1.414.603.444)	(1.414.603.444)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		30.923.042.906	30.923.042.906
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		9.367.984.104	7.163.095.038
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.259.133.459	16.933.878.640
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		442.288.463.838	446.078.516.145

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận giữ hộ	2.834.467.582	3.442.206.865
2. Nợ khó đòi đã xử lý	421.976.000	421.976.000

Người lập biểu

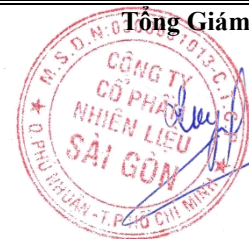

LÊ THỊ THU VÂN

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Kế toán trưởng


VÕ THỊ THU

Tổng Giám đốc

**NGUYỄN TUẤN QUỲNH**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	2.567.953.343.217	2.447.427.671.044
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(2.077.427.272)	(205.345.455)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	2.565.875.915.945	2.447.222.325.589
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19,22	(2.452.448.336.542)	(2.362.818.355.469)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		113.427.579.403	84.403.970.120
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	13.156.695.307	12.272.975.757
22	7. Chi phí tài chính	20	(8.467.390.892)	(9.654.779.650)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(8.467.390.892)	(9.654.779.650)
24	8. Chi phí bán hàng	22	(50.205.258.433)	(43.035.046.818)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(22.109.993.040)	(18.349.779.166)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.801.632.345	25.637.340.243
31	11. Thu nhập khác	21	2.582.724.595	2.606.381.823
32	12. Chi phí khác	21	(498.431.192)	(1.833.280.058)
40	13. Lợi nhuận khác	21	2.084.293.403	773.101.765
50	14. Lợi nhuận trước thuế		47.885.925.748	26.410.442.008
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(11.041.498.825)	(6.833.117.182)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.2	407.779.652	47.084.584
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		37.252.206.575	19.624.409.410
70	18. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	17.4	3.316	1.747

Người lập biểu



LÊ THỊ THU VÂN

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THU

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TUẤN QUỲNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Lợi nhuận trước thuế		47.885.925.748	26.410.442.008
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	7, 8, 10	4.359.746.418	3.545.518.603
03	Các khoản dự phòng		158.811.700	87.207.800
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.380.252.205)	(906.593.213)
06	Chi phí lãi vay		8.467.390.892	9.654.779.650
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		47.491.622.553	38.791.354.848
09	Giảm các khoản phải thu		10.996.633.831	9.676.496.482
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		59.729.361.941	(15.148.808.801)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		74.732.117.784	(46.875.762.165)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.220.592.304	(181.577.752)
13	Tiền lãi vay đã trả		(8.580.899.169)	(9.654.779.650)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.1	(9.388.320.332)	(7.295.731.644)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		379.541.667	6.807.287.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.433.498.718)	(6.487.143.353)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		172.147.151.861	(30.368.665.035)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(10.023.440.150)	(31.507.832.876)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	21	689.999.999	949.840.909
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		12.650.786.417	11.461.131.313
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		3.317.346.266	(19.096.860.654)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	10.210.810.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.163.960.805.400	2.000.755.430.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.255.510.405.400)	(1.839.942.890.000)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(23.593.119.900)	(21.448.557.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(115.142.719.900)	149.574.793.000

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		60.321.778.227	100.109.267.311
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		208.742.412.360	108.633.145.049
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	269.064.190.587	208.742.412.360

Người lập biểu

LÊ THỊ THU VÂN
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Kế toán trưởng

VÕ THỊ THU

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TUẤN QUỲNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Công ty”) trước đây là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1975.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2000, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103000145 ngày 1 tháng 9 năm 2000, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 9 năm 2004 theo Giấy phép số 31/GPPH của Ủy Ban Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, cho thuê bất động sản đầu tư, và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại 146E Đường Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 264 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 266).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban

hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

- ▶ Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ

Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 13 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và khấu trừ lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 30 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không

làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các thay đổi trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các

khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. *TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)*

3.18 *Công cụ tài chính*

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và vay.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.19 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	4.991.517.407	5.507.065.341
Tiền gửi ngân hàng	14.072.673.180	4.134.888.130
Tiền đang chuyển	-	458.889
Các khoản tương đương tiền	<u>250.000.000.000</u>	<u>199.100.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>269.064.190.587</u>	<u>208.742.412.360</u>

Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng	9.356.274.999	15.767.749.807
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.090.739.000)	(931.927.300)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>8.265.535.999</u>	<u>14.835.822.507</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>

Số đầu năm	931.927.300	844.719.500
<i>Cộng</i> : Dự phòng trích lập trong năm	<u>158.811.700</u>	<u>87.207.800</u>
Số cuối năm	<u>1.090.739.000</u>	<u>931.927.300</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa	24.556.121.651	91.631.309.730
Hàng đang đi đường	5.745.603.000	-
Hàng gửi đi bán	1.588.880.000	-
Nguyên liệu	50.840.468	57.561.422
Công cụ, dụng cụ	<u>37.996.364</u>	<u>19.932.272</u>
TỔNG CỘNG	<u>31.979.441.483</u>	<u>91.708.803.424</u>

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	27.516.251.371	17.901.134.848	1.570.039.031	1.240.563.717	48.227.988.967
Tăng trong năm	3.742.670.022	2.828.936.862	940.454.545	1.744.549.917	9.256.611.346
Thanh lý tài sản	(50.113.000)	(154.000.000)	(752.268.182)	(36.700.000)	(993.081.182)
Giảm khác	(87.299.835)	-	-	-	(87.299.835)
Số cuối năm	<u>31.121.508.558</u>	<u>20.576.071.710</u>	<u>1.758.225.394</u>	<u>2.948.413.634</u>	<u>56.404.219.296</u>
<i>Trong đó</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.183.484.664	6.146.107.439	-	435.479.029	9.765.071.132

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	(9.824.021.997)	(7.474.058.153)	(714.771.480)	(574.119.438)	(18.586.971.068)
Khấu hao trong năm	(1.384.114.884)	(1.310.646.601)	(191.558.168)	(171.742.346)	(3.058.061.999)
Thanh lý tài sản	<u>50.018.041</u>	<u>154.000.000</u>	<u>313.445.050</u>	<u>9.174.990</u>	<u>526.638.081</u>
Số cuối năm	<u>(11.158.118.840)</u>	<u>(8.630.704.754)</u>	<u>(592.884.598)</u>	<u>(736.686.794)</u>	<u>(21.118.394.986)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>17.692.229.374</u>	<u>10.427.076.695</u>	<u>855.267.551</u>	<u>666.444.279</u>	<u>29.641.017.899</u>
Số cuối năm	<u>19.963.389.718</u>	<u>11.945.366.956</u>	<u>1.165.340.796</u>	<u>2.211.726.840</u>	<u>35.285.824.310</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá:

Số đầu năm	6.157.436.365
Giảm khác	<u>(321.642.000)</u>
Số cuối năm	<u>5.835.794.365</u>

Giá trị khấu trừ lũy kế:

Số đầu năm	(1.029.617.114)
Khấu trừ trong năm	<u>(162.953.570)</u>
Số cuối năm	<u>(1.192.570.684)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>5.127.819.251</u>
Số cuối năm	<u>4.643.223.681</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công trình xây dựng các trạm xăng	3.658.252.803	1.924.083.748
Chi phí đầu tư phần mềm ERP	1.168.750.000	-
Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch	915.900.909	888.628.182
Công trình 105 Lê Lợi	515.863.637	474.954.546
TỔNG CỘNG	<u>6.258.767.349</u>	<u>3.287.666.476</u>

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	53.282.130.128	24.191.809.736	77.473.939.864
Tăng trong năm	-	87.299.835	87.299.835
Số cuối năm	<u>53.282.130.128</u>	<u>24.279.109.571</u>	<u>77.561.239.699</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(1.499.089.869)	(271.300.638)	(1.770.390.507)
Khấu hao trong năm	(481.325.256)	(657.405.593)	(1.138.730.849)
Số cuối năm	<u>(1.980.415.125)</u>	<u>(928.706.231)</u>	<u>(2.909.121.356)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>51.783.040.259</u>	<u>23.920.509.098</u>	<u>75.703.549.357</u>
Số cuối năm	<u>51.301.715.003</u>	<u>23.350.403.340</u>	<u>74.652.118.343</u>

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	19.115.828.522	14.378.226.706
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(1.138.730.849)	(628.565.832)

Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày tại Thuyết minh số 25.

Công ty vẫn chưa xem xét và xác định chính thức giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư cao hơn so với giá trị ghi sổ còn lại của các tài sản này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

<i>Tên đơn vị</i>	<i>VNĐ</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	625.000	10.000.000.000	625.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	29.200	296.000.000	29.200	296.000.000
TỔNG CỘNG		10.296.000.000		10.296.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.750.000.000)		(3.750.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN		6.546.000.000		6.546.000.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí trả trước	1.500.000.016	1.950.000.037
Công cụ, dụng cụ	<u>249.491.000</u>	<u>798.434.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.749.491.016</u>	<u>2.748.434.037</u>

13. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>147.244.240.000</u>	<u>238.793.840.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi từ các ngân hàng thương mại để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản</i>
	VNĐ	<i>trả nợ gốc</i>	%/năm	<i>đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	68.499.800.000	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2015 đến ngày 5 tháng 2 năm 2015	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	38.018.130.000	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2015 đến ngày 29 tháng 1 năm 2015	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	30.628.410.000	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2015 đến ngày 19 tháng 1 năm 2015	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh	10.097.900.000	Ngày 26 tháng 1 năm 2015	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp

Hồ Chí Minh

TỔNG CỘNG **147.244.240.000**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh 24</i>)	50.078.803.026	6.810.960.000
Phải trả nhà cung cấp	<u>2.240.295.799</u>	<u>1.359.473.929</u>
TỔNG CỘNG	<u>52.319.098.825</u>	<u>8.170.433.929</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất	5.318.907.750	5.805.055.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 23.1</i>)	3.486.686.938	1.833.508.445
Thuế thu nhập cá nhân	<u>273.933.811</u>	<u>38.738.009</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.079.528.499</u>	<u>7.677.302.323</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các khoản ký quỹ	1.218.239.000	938.732.333
Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	316.935.920	395.780.175
Phải trả khác	<u>133.093.389</u>	<u>216.799.663</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.668.268.309</u>	<u>1.551.312.171</u>

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VNĐ						
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước:							
Số đầu năm	102.703.780.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	30.923.042.906	6.197.098.705	22.117.309.491	169.747.123.258
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	10.210.810.000	-	-	-	-	(10.210.810.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	19.624.409.410	19.624.409.410
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(11.237.747.000)	(11.237.747.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	965.996.333	(1.427.290.595)	(461.294.262)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.931.992.666)	(1.931.992.666)
Số cuối năm	<u>112.914.590.000</u>	<u>9.220.495.600</u>	<u>(1.414.603.444)</u>	<u>30.923.042.906</u>	<u>7.163.095.038</u>	<u>16.933.878.640</u>	<u>175.740.498.740</u>
Năm nay:							
Số đầu năm	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	30.923.042.906	7.163.095.038	16.933.878.640	175.740.498.740

Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	37.252.206.575	37.252.206.575
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(23.593.119.900) (23.593.119.900)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.204.889.066	(2.924.053.724)	(719.164.658)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.409.778.132)	(4.409.778.132)
Số cuối năm	<u>112.914.590.000</u>	<u>9.220.495.600</u>	<u>(1.414.603.444)</u>	<u>30.923.042.906</u>	<u>9.367.984.104</u>	<u>23.259.133.459</u>	<u>184.270.642.625</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	112.914.590.000	102.703.780.000
Tăng trong năm	-	10.210.810.000
Số cuối năm	<u>112.914.590.000</u>	<u>112.914.590.000</u>
Cổ tức đã trả	(23.593.119.900)	(21.448.557.000)
Cổ tức đã công bố	(23.593.119.900)	(21.448.557.000)

17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số cổ phiếu được phép phát hành	11.291.459	11.291.459
Số cổ phiếu đã phát hành, góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu thường	11.291.459	11.291.459
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu thường	(56.640)	(56.640)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu thường	11.234.819	11.234.819

17.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Thu nhập và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày bên dưới:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty	37.252.206.575	19.624.409.410
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	11.234.819	11.234.819
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	3.316	1.747

Không có cổ phiếu tiềm năng suy giảm vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.567.953.343.217	2.447.427.671.044
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	2.548.837.514.695	2.416.782.295.121
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	19.115.828.522	14.590.644.033
<i>Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư</i>	-	16.054.731.890
Các khoản giảm trừ		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(2.077.427.272)	(205.345.455)
Doanh thu thuần	<u>2.565.875.915.945</u>	<u>2.447.222.325.589</u>

Trong đó:

<i>Doanh thu bán hàng</i>	2.546.760.087.423	2.416.576.949.666
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	19.115.828.522	14.590.644.033
<i>Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư</i>	-	16.054.731.890

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.937.945.307	11.883.375.757
Cổ tức nhận được	<u>218.750.000</u>	<u>389.600.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.156.695.307</u>	<u>12.272.975.757</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán	2.451.309.605.693	2.348.659.847.315
Giá vốn dịch vụ cho thuê bất động sản	1.138.730.849	628.565.832
Giá vốn thanh lý bất động sản đầu tư	<u>-</u>	<u>13.529.942.322</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.452.448.336.542</u>	<u>2.362.818.355.469</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính chủ yếu trình bày chi phí lãi vay của các khoản vay tại các ngân hàng thương mại phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

21. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.582.724.595	2.606.381.823
Thu từ thanh lý tài sản	689.999.999	949.840.909
Tiền phạt chậm thanh toán	1.314.583.334	61.596.604
Khác	578.141.262	1.594.944.310
Chi phí khác	(498.431.192)	(1.833.280.058)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(466.443.101)	(1.298.942.278)
Khác	<u>(31.988.091)</u>	<u>(534.337.780)</u>
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>2.084.293.403</u>	<u>773.101.765</u>

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>

Chi phí hàng hóa	2.451.309.605.693	2.362.818.355.469
Chi phí công nhân viên	41.299.130.631	33.325.284.806
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	10.256.282.562	11.559.594.446
Chi phí thuê đất	5.767.826.128	6.197.939.804
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 7, 8 và 10)	4.359.746.418	3.545.518.603
Chi phí khác	<u>11.770.996.583</u>	<u>6.756.488.325</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.524.763.588.015</u>	<u>2.424.203.181.453</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế (2013: 25%).

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

23.1 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH (TIẾP TỤC)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận trước thuế	47.885.925.748	26.410.442.008
<i>Các điều chỉnh</i>		
<i>CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ</i>	453.890.561	1.311.626.721
<i>CỔ TỨC NHẬN ĐƯỢC</i>	(218.750.000)	(389.600.000)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.074.944.375	-
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	992.620.334	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	<u>50.188.631.018</u>	<u>27.332.468.729</u>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	11.041.498.825	6.833.117.182
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.833.508.445	2.296.122.907
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.388.320.332)	(7.295.731.644)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	<u><u>3.486.686.938</u></u>	<u><u>1.833.508.445</u></u>

23.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	236.487.763	-	236.487.763	-
Chi phí phân bổ công cụ,	<u>218.376.473</u>	<u>47.084.584</u>	<u>171.291.889</u>	<u>47.084.584</u>

dụng cụ

**Tài sản thuế
thu nhập
hoãn lại**

454.864.236 47.084.584

***Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại* 407.779.652 47.084.584**

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ đông	Mua hàng hóa	2.282.957.739.995
		Trả cổ tức	4.745.386.800
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải	Cổ đông	Mua hàng hóa	263.493.244.663
		Trả cổ tức	4.161.267.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và Ban Giám đốc:

VND

Năm nay Năm trước

Lương và thưởng 3.711.765.324 2.584.483.173

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải trả</i>
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty TNHH Một thành	Cổ đông	Mua hàng hóa	30.867.840.000

viên Dầu khí Thành phố
Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Xăng đầu và dịch vụ Hàng hải	Cổ đông	Mua hàng hóa	19.210.963.026
			<u>50.078.803.026</u>

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên thuê

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	3.921.567.837	4.860.256.977
Từ 1 năm đến 5 năm	19.607.839.185	19.607.839.185
Trên 5 năm	<u>121.051.008.685</u>	<u>125.021.794.922</u>
TỔNG CỘNG	<u>144.580.415.707</u>	<u>149.489.891.084</u>

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến một năm	9.640.962.764	882.288.069
Từ một đến năm năm	47.446.482.000	30.580.000
Trên 5 năm	<u>168.398.058.330</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>225.485.503.094</u>	<u>912.868.069</u>

26. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, nhớt; cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác. Đồng thời, hoạt động kinh

doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh xăng, dầu, nhớt; và cho thuê bất động sản đầu tư trong một khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và vay. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và các khoản tương đương tiền phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản nợ có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì rủi ro do sự thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể.

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền, các khoản tương đương tiền, và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

Dưới 1 năm

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Vay	147.244.240.000
Phải trả cho bên liên quan	50.078.803.026
Phải trả người bán	2.240.295.799
Các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả	<u>1.728.244.719</u>
TỔNG CỘNG	<u>201.291.583.544</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Vay	238.793.840.000
Phải trả cho bên liên quan	6.810.960.000
Phải trả người bán	1.359.473.929
Các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả	<u>1.489.979.340</u>
TỔNG CỘNG	<u>248.454.253.269</u>

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty. VNĐ

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>		
Tài sản tài chính						
Phải thu khách hàng	9.356.274.999	(1.090.739.000)	15.767.749.807	(931.927.300)	8.265.535.999	14.835.822.507
Phải thu khác	1.427.915.630	-	849.668.531	-	1.427.915.630	849.668.531
Tiền và các khoản trương đương tiền	269.064.190.587	-	208.742.412.360	-	269.064.190.587	208.742.412.360
TỔNG CỘNG	279.848.381.216	(1.090.739.000)	225.359.830.698	(931.927.300)	278.757.642.216	224.427.903.398

VNĐ

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	Nợ phải trả tài chính			
Vay	147.244.240.000	238.793.840.000	147.244.240.000	238.793.840.000
Phải trả cho bên liên quan	50.078.803.026	6.810.960.000	50.078.803.026	6.810.960.000
Phải trả người bán	2.240.295.799	1.359.473.929	2.240.295.799	1.359.473.929
Các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả	1.728.244.719	1.489.979.340	1.728.244.719	1.489.979.340
TỔNG CỘNG	201.291.583.544	248.454.253.269	201.291.583.544	248.454.253.269

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm này.

*Số đầu năm Trình bày lại Được trình bày lại
(đã được trình
bày trước đây)*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản cố định hữu hình	53.193.947.269 (23.552.929.370)	29.641.017.899
Bất động sản đầu tư	52.150.619.987 23.552.929.370	75.703.549.357

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chi phí bán hàng	36.806.954.354	6.228.092.464	43.035.046.818
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.577.871.630	(6.228.092.464)	18.349.779.166

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

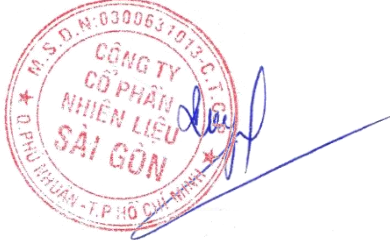
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Lê Thị Thu Vân
Người lập
Ngày 24 tháng 3 năm 2015



Võ Thị Thu
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Quỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

146E Nguyễn Đình Chính, P.8, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM
ĐT: (08) 39.979.292 - 39.979.393 - 39.979.494 * Fax: (08) 39.979.555
Email: info@sfc.com.vn - Website: www.sfc.com.vn